

Số: 1005/QĐ-UBND

Đắk Nông, ngày 23 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục và phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2490/QĐ-BNN-LN ngày 19 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 135/TTr-SNN ngày 14 tháng 8 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính (TTHC) mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Quy trình nội bộ giải quyết TTHC trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh (quy trình đã được rà soát cắt giảm 20% thời gian giải quyết so với quy định).

Điều 2.

- Giao Văn phòng UBND tỉnh chủ trì, phối hợp với Viễn thông Đắk Nông công khai, đồng bộ Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC và Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh; đồng thời, niêm yết, công khai nội dung TTHC tại Trung tâm Phục vụ hành chính công theo quy định.

- Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan theo dõi, cập nhật thành phần hồ sơ, trình tự, quy trình thực hiện đối với thủ tục hành chính kèm theo Quyết định này vào Cơ sở dữ liệu Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh.

- Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã niêm yết, công khai nội dung TTHC tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo quy định.

- Thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định này thay thế TTHC tương ứng đã được công bố tại Quyết định số 674/QĐ-UBND ngày 13/5/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ, thay thế lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Quyết định số 1382/QĐ-UBND ngày 15/9/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thông tin và Truyền thông; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *h*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Cục Kiểm soát TTHC - VPCP;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Viễn Thông Đắk Nông;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, TTPVHCC, NC (Đ).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Văn Chiến

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
(Ban hành kèm theo Quyết định số **1009** /QĐ-UBND ngày **23** tháng **8** năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông)

A. DANH MỤC TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

I. Thủ tục hành chính mới ban hành: 09 TTHC

Stt	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản quy định nội dung TTHC	Lĩnh vực	Cơ quan giải quyết TTHC	Cơ quan/người có thẩm quyền quyết định
A	Thủ tục hành chính cấp tỉnh					
1	1.012687	Phê duyệt điều chỉnh phân khu chức năng của khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	- Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp - Quyết định 2490/QĐ-BNN-LN ngày 19/7/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Lâm nghiệp	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Chủ tịch UBND cấp tỉnh
2	1.012688	Quyết định giao rừng cho tổ chức		Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	UBND cấp tỉnh
3	1.012689	Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với tổ chức		Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	UBND cấp tỉnh
4	1.01269	Phê duyệt Phương án sử dụng rừng đối với các công trình kết cấu hạ tầng phục vụ bảo vệ và phát triển rừng thuộc địa phương quản lý		Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	UBND cấp tỉnh
5	1.012691	Quyết định thu hồi rừng đối với tổ chức tự nguyện trả lại rừng		Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	UBND cấp tỉnh
6	1.012692	Quyết định điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác		Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Hội đồng nhân dân cấp tỉnh

Stt	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản quy định nội dung TTHC	Lĩnh vực	Cơ quan giải quyết TTHC	Cơ quan/người có thẩm quyền quyết định
B Thủ tục hành chính cấp huyện						
1	1.012694	Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với cá nhân	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp. - Quyết định 2490/QĐ-BNN-LN ngày 19/7/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn 	Kiểm lâm	Cơ quan chuyên môn về lâm nghiệp cấp huyện	UBND cấp huyện
2	1.012695	Quyết định thu hồi rừng đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư tự nguyện trả lại rừng		Kiểm lâm	Cơ quan chuyên môn về lâm nghiệp cấp huyện	UBND cấp huyện
C Thủ tục hành chính cấp xã						
1	1.012693	Quyết định giao rừng cho hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp - Quyết định 2490/QĐ-BNN-LN ngày 19/7/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn 	Kiểm lâm	UBND cấp xã	UBND cấp huyện

II. Thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung: 03 TTHC

Stt	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản quy định nội dung TTHC sửa đổi, bổ sung	Lĩnh vực	Cơ quan giải quyết TTHC	Cơ quan/người có thẩm quyền quyết định
Thủ tục hành chính cấp tỉnh						
1	1.000084	Phê duyệt hoặc điều chỉnh đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý ¹	- Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp	Lâm nghiệp	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Chủ tịch UBND cấp tỉnh
2	1.000081	Phê duyệt hoặc điều chỉnh đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng phòng hộ hoặc rừng sản xuất thuộc địa phương quản lý ²	- Quyết định 2490/QĐ-BNN-LN ngày 19/7/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Lâm nghiệp	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Chủ tịch UBND cấp tỉnh
3	3.000152	Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác ³		Kiểm lâm ⁴	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Hội đồng nhân dân cấp tỉnh

(Danh mục có 12 thủ tục hành chính)

¹ Tên gọi cũ: Phê duyệt đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng đối với khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý.

² Tên gọi cũ: Phê duyệt đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng phòng hộ đối với khu rừng phòng hộ thuộc địa phương quản lý.

³ Tên gọi cũ: Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

⁴ Chuyển từ lĩnh vực Lâm nghiệp sang Kiểm lâm.

B. NỘI DUNG CHI TIẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện, thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý; Yêu cầu điều kiện thủ tục hành chính
I	Thủ tục hành chính cấp tỉnh				
1	<p>Phê duyệt điều chỉnh phân khu chức năng của khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý.</p> <p>- Mã số: 1.012687</p>	<p>1. Thành phần hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình điều chỉnh phân khu chức năng của chủ rừng (Bản chính). - Phương án điều chỉnh phân khu chức năng của khu rừng đặc dụng (Bản chính). - Bản đồ hiện trạng rừng trước khi điều chỉnh và bản đồ hiện trạng rừng dự kiến sau khi điều chỉnh khu rừng đặc dụng tỷ lệ 1/5.000 hoặc 1/10.000 hoặc 1/25.000 theo hệ quy chiếu VN2000 (Bản chính). <p>2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>	<p>1. Trình tự thực hiện:</p> <p>Bước 1. Chủ rừng nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Nông (TTPVHCC) theo địa chỉ: Số 98 đường 23/3, phường Nghĩa Đức, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông hoặc dịch vụ công trực tuyến (http://dichvucong.daknong.gov.vn);</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Giờ hành chính từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định). - Nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận và viết Phiếu biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (theo mẫu). - Nếu hồ sơ còn thiếu, chưa đúng quy định thì hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo đúng quy định (theo mẫu). - Nếu hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết thì hướng dẫn người nộp hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định (theo mẫu). - Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Nông chuyển hồ sơ về Chi cục Kiểm lâm (Phòng quản lý, bảo vệ rừng và Bảo tồn thiên nhiên). <p>Bước 2. Trong thời hạn 2,5 ngày làm việc kể từ ngày</p>	Không	<p>1. Căn cứ pháp lý: Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp</p> <p>2. Yêu cầu điều kiện thủ tục hành chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Phân khu bảo vệ nghiêm ngặt đáp ứng một trong các tiêu chí sau đây: <ul style="list-style-type: none"> - Có hệ sinh thái tự nhiên còn bảo tồn nguyên vẹn hoặc có hệ sinh thái tự nhiên bảo đảm quy luật phát triển tự nhiên của hệ sinh thái rừng. - Có phân bố tự nhiên và là nơi cư trú của các loài động vật, thực vật hoang dã đặc hữu, nguy cấp, quý, hiếm. - Đối với khu rừng đặc dụng có hợp phần là hệ sinh thái đất ngập nước, ven biển thì vị trí, phạm vi, quy mô của phân

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện, thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý; Yêu cầu điều kiện thủ tục hành chính
			<p>nhận được hồ sơ, Chi cục Kiểm lâm (Phòng quản lý, bảo vệ rừng và Bảo tồn thiên nhiên) có trách nhiệm kiểm tra thành phần, nội dung chủ yếu trong hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ hợp lệ, thực hiện bước 3. - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Chi cục Kiểm lâm thông báo hoặc hướng dẫn bằng văn bản gửi Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Nông; Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc (<i>không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính</i>) TTPVHCC thông báo cho chủ rừng điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. <p>Bước 3. Thẩm định</p> <p>Sau khi nhận hồ sơ hợp lệ, Chi cục Kiểm lâm (Phòng quản lý, bảo vệ rừng và Bảo tồn thiên nhiên) tham mưu Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phối hợp với các Sở, ngành có liên quan tổ chức lấy ý kiến thẩm định về hồ sơ điều chỉnh phân khu chức năng của khu rừng đặc dụng và nội dung phương án điều chỉnh phân khu chức năng của khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý. - Trường hợp kết quả thẩm định đủ điều kiện, trình UBND tỉnh Quyết định điều chỉnh phân khu chức năng của rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý. - Trường hợp kết quả thẩm định không đủ điều kiện, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có văn bản trả lời gửi chủ rừng biết và nêu rõ lý do (<i>gửi qua trung tâm hành chính công</i>) 		<p>khu bảo vệ nghiêm ngặt được xác định trên cơ sở hiện trạng hệ sinh thái tự nhiên và điều kiện về địa hình, thủy văn, chế độ ngập nước; là nơi cư trú của các loài động vật, thực vật hoang dã đặc hữu, nguy cấp, quý, hiếm.</p> <p>b) Phân khu phục hồi sinh thái đáp ứng một trong các tiêu chí sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có hệ sinh thái rừng cần phục hồi bằng các biện pháp kỹ thuật lâm sinh để đạt được trạng thái tự nhiên đặc trưng của hệ sinh thái rừng. - Có hệ sinh thái tự nhiên và sinh cảnh là nơi duy trì nguồn thức ăn và đi lại thường xuyên cho các loài động vật hoang dã. - Đối với khu rừng đặc dụng có hợp phần là hệ sinh thái đất ngập nước, ven biển thì vị trí, phạm vi, quy mô của phân khu phục hồi sinh thái xác định trên cơ sở hiện trạng của hệ sinh thái tự nhiên và điều kiện về địa hình, thủy văn, chế độ ngập nước; là nơi duy trì nguồn thức ăn và đi lại

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện, thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý; Yêu cầu điều kiện thủ tục hành chính
			<p>Thời gian: 34,5 ngày làm việc.</p> <p>Bước 4. Quyết định phê duyệt</p> <p>Sau khi nhận được hồ sơ đầy đủ của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình, UBND tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh phân khu chức năng của rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý.</p> <p>Chuyển kết quả về Trung tâm Phục vụ hành chính công.</p> <p>Thời gian: 09 ngày làm việc.</p> <p>Bước 5. Trung tâm Phục vụ hành chính công có trách nhiệm liên hệ, trả kết quả cho chủ rừng.</p> <p>2. Thời hạn giải quyết: 46,5 ngày làm việc.</p> <p>Trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Phục vụ hành chính công: 0,5 ngày làm việc; - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 37 ngày làm việc; - UBND tỉnh: 09 ngày làm việc. <p>3. Đối tượng thực hiện TTHC: Chủ rừng.</p> <p>4. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan tiếp nhận hồ sơ: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Cơ quan/người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND cấp tỉnh. <p>5. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định điều chỉnh phân khu chức năng của khu rừng đặc dụng.</p>		<p>thường xuyên cho các loài động vật hoang dã.</p> <p>c) Phân khu dịch vụ, hành chính đáp ứng các tiêu chí sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Được xác lập chủ yếu để xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, bao gồm: công trình làm việc, sinh hoạt, nghiên cứu, thực nghiệm khoa học, cứu hộ và phát triển sinh vật của ban quản lý rừng đặc dụng; công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí và tổ chức thực hiện các chức năng khác theo quy định của pháp luật. - Diện tích của phân khu dịch vụ, hành chính tập trung, hạn chế xác lập diện tích phân tán, phù hợp với quy mô của ban quản lý rừng đặc dụng, hiện trạng rừng và tổng diện tích tự nhiên của khu rừng đặc dụng.
2	Quyết định giao rừng cho tổ chức.	<p>1. Thành phần hồ sơ:</p> <p>a) Hồ sơ Tổ chức nộp gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản chính đề nghị giao rừng 	<p>1. Trình tự thực hiện:</p> <p>Bước 1. Tổ chức nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ</p>	Không	<p>1. Căn cứ pháp lý: Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa</p>

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện, thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý; Yêu cầu điều kiện thủ tục hành chính
	<p>- Mã số: 1.012688</p>	<p>theo mẫu số 13 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ.</p> <p>- Dự án đầu tư đối với khu rừng đề nghị giao (bản chính).</p> <p>b) Hồ sơ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình UBND tỉnh:</p> <p>- Tờ trình của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p> <p>- Đề nghị giao rừng theo mẫu số 13 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ.</p> <p>- Dự án đầu tư đối với khu rừng đề nghị giao (bản chính).</p> <p>2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>	<p>hành chính công tỉnh Đắk Nông (TTPVHCC) theo địa chỉ: Số 98 đường 23/3, phường Nghĩa Đức, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông hoặc dịch vụ công trực tuyến (http://dichvucong.daknong.gov.vn);</p> <p>- Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Giờ hành chính từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định).</p> <p>- Nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận và viết Phiếu biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (theo mẫu).</p> <p>- Nếu hồ sơ còn thiếu, chưa đúng quy định thì hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo đúng quy định (theo mẫu).</p> <p>- Nếu hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết thì hướng dẫn người nộp hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định (theo mẫu).</p> <p>- Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Nông chuyển hồ sơ về Chi cục Kiểm lâm (Phòng Quản lý, bảo vệ rừng và bảo tồn thiên nhiên)</p> <p>Bước 2. Trong thời hạn 2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Chi cục Kiểm lâm (Phòng Quản lý bảo, vệ rừng và bảo tồn thiên nhiên) có trách nhiệm kiểm tra thành phần, nội dung chủ yếu trong hồ sơ:</p> <p>- Trường hợp hồ sơ hợp lệ, thực hiện bước 3.</p> <p>- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Chi cục Kiểm lâm thông báo hoặc hướng dẫn bằng văn bản gửi Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk</p>		<p>đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp</p> <p>2. Yêu cầu điều kiện thủ tục hành chính: Không</p>



Stt	Tên thủ tục hành chính	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện, thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý; Yêu cầu điều kiện thủ tục hành chính
			<p>Nông; Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc (<i>không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính</i>) TTPVHCC thông báo cho tổ chức điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định.</p> <p>Bước 3. Kiểm tra hồ sơ giao rừng, kiểm tra hiện trạng rừng tại thực địa, lập tờ trình trình UBND cấp tỉnh</p> <p>Sau khi nhận hồ sơ hợp lệ, Chi cục Kiểm lâm (Phòng Quản lý, bảo vệ rừng và bảo tồn thiên nhiên):</p> <ul style="list-style-type: none">- Chủ trì, tham mưu Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra hồ sơ giao rừng và nội dung giao rừng theo quy định tại Điều 14, 15 và 16 Luật Lâm nghiệp (sửa đổi bổ sung tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 248 Luật Đất đai năm 2024).- Chủ trì phối hợp với UBND cấp huyện, UBND cấp xã tổ chức kiểm tra hiện trạng khu rừng tại thực địa dự kiến giao. <p>Trường hợp không đủ điều kiện giao rừng, tham mưu Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có văn bản trả lời cho tổ chức và nêu rõ lý do.</p> <p>Trường hợp đủ điều kiện giao rừng, tham mưu Sở lập Tờ trình, trình UBND tỉnh xem xét quyết định giao rừng cho tổ chức.</p> <p>Thời gian: 24 ngày làm việc.</p> <p>Bước 4. Quyết định giao rừng</p> <ul style="list-style-type: none">- Sau khi nhận được hồ sơ, tờ trình của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình, UBND tỉnh xem xét, ký quyết định giao rừng cho tổ chức		



Stt	Tên thủ tục hành chính	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện, thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý; Yêu cầu điều kiện thủ tục hành chính
			<p>theo Mẫu số 14 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 17/8/2024 của Chính phủ.</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp không đủ điều kiện, UBND cấp tỉnh trả lời bằng văn bản và nêu lý do.- Chuyển kết quả về Chi cục Kiểm lâm. <p>Thời gian: 05 ngày làm việc.</p> <p>Bước 5. Bàn giao rừng cho tổ chức</p> <p>Sau khi nhận được Quyết định giao rừng của UBND cấp tỉnh, Chi cục Kiểm lâm (Phòng quản lý bảo vệ rừng và Bảo tồn thiên nhiên) tham mưu Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, thông báo cho tổ chức thực hiện nghĩa vụ tài chính (nếu có); phối hợp với UBND cấp huyện, UBND cấp xã tổ chức bàn giao thực địa cho tổ chức. Thực hiện lập biên bản có sự tham gia và ký tên của các đại diện. Chuyển kết quả về Trung tâm Phục vụ hành chính công.</p> <p>Thời gian: 6,5 ngày làm việc.</p> <p>Bước 6. Trung tâm Phục vụ hành chính công có trách nhiệm liên hệ, trả kết quả cho tổ chức.</p> <p>2. Thời hạn giải quyết: 38,5 ngày làm việc.</p> <p>Trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trung tâm Phục vụ hành chính công: 0,5 ngày làm việc;- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 33 ngày làm việc;- UBND tỉnh: 05 ngày làm việc. <p>3. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức.</p> <p>4. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:</p> <ul style="list-style-type: none">- Cơ quan tiếp nhận hồ sơ: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.		

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện, thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý; Yêu cầu điều kiện thủ tục hành chính
			<p>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp tỉnh.</p> <p>5. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:</p> <p>- Quyết định bàn giao rừng theo mẫu số 14 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ;</p> <p>- Biên bản bàn giao rừng theo mẫu số 15 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ.</p>		
3	<p>Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với tổ chức.</p> <p>- Mã số: 1.012689</p>	<p>1. Thành phần hồ sơ:</p> <p>a) Hồ sơ tổ chức nộp, gồm:</p> <p>- Đề nghị quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo Mẫu số 20 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ;</p> <p>- Bản sao Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác của cấp có thẩm quyền hoặc bản sao văn bản chấp thuận, quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận, quyết định chủ trương đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu</p>	<p>1. Trình tự thực hiện:</p> <p>Bước 1. Nộp, tiếp nhận hồ sơ</p> <p>Tổ chức có dự án đề nghị quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác hoặc tổ chức có dự án đã được Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư dự án có thay đổi về quy mô diện tích rừng cần chuyển mục đích sử dụng sang mục đích khác nhưng không thuộc trường hợp phải điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án theo quy định của Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Dầu khí nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Nông (TTPVHCC) theo địa chỉ: Số 98 đường 23/3, phường Nghĩa Đức, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông hoặc dịch vụ công trực tuyến (http://dichvucong.daknong.gov.vn);</p> <p>- Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Giờ hành chính từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, Tết theo quy định).</p>	Không	<p>1. Căn cứ pháp lý: Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp</p> <p>2. Yêu cầu điều kiện thủ tục hành chính: Không</p>



Stt	Tên thủ tục hành chính	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện, thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý; Yêu cầu điều kiện thủ tục hành chính
		<p>khí;</p> <ul style="list-style-type: none">- Phương án trồng rừng thay thế được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc thông báo hoàn thành nghĩa vụ nộp tiền trồng rừng thay thế đối với diện tích đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác;- Báo cáo thuyết minh hiện trạng rừng và bản đồ hiện trạng rừng khu vực đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác do chủ dự án lập trong thời gian 6 tháng trước ngày nộp hồ sơ. Báo cáo thuyết minh thể hiện rõ thông tin về vị trí (tiểu khu, khoảnh, lô, địa danh hành chính khu rừng), diện tích rừng theo: loại rừng (rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất), nguồn gốc hình thành (rừng tự nhiên, rừng trồng) và được thể hiện trên bản đồ hiện trạng rừng tỷ lệ 1/5.000 đối với dự án có diện tích chuyển mục đích sử dụng rừng dưới 500 ha, tỷ lệ 1/10.000 đối với dự án có diện tích chuyển mục đích sử dụng rừng từ 500 ha trở lên và dự án dạng tuyến.	<ul style="list-style-type: none">- Nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận và viết Phiếu biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (theo mẫu).- Nếu hồ sơ còn thiếu, chưa đúng quy định thì hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo đúng quy định (theo mẫu).- Nếu hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết thì hướng dẫn người nộp hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định (theo mẫu).- Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Trung tâm Hành chính công tỉnh Đắk Nông chuyển hồ sơ về Chi cục Kiểm lâm (Phòng Sử dụng và Phát triển rừng). <p>Bước 2. Kiểm tra hồ sơ</p> <p>Trong thời hạn 2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Chi cục Kiểm lâm (Phòng Sử dụng và Phát triển rừng) có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp hồ sơ hợp lệ, thực hiện bước 3.- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Chi cục Kiểm lâm trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do gửi Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Nông; Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc (<i>không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính</i>) TTPVHCC thông báo cho tổ chức. <p>Bước 3. Trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định</p> <p>Sau khi nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Chi cục Kiểm lâm (Phòng Sử dụng và Phát triển rừng) tham mưu Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn lập Tờ trình đề nghị Ủy ban nhân dân cấp</p>		

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện, thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý; Yêu cầu điều kiện thủ tục hành chính
		<p>b) Hồ sơ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo Mẫu số 22 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ; - Hồ sơ theo Mục a) nêu trên. <p>2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ</p>	<p>tình quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.</p> <p>Thời gian: 7,5 ngày làm việc.</p> <p>Bước 4. Quyết định</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời gian 08 ngày kể từ ngày nhận được Tờ trình và hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác. - Trường hợp không quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, trong thời gian 05 ngày kể từ ngày nhận được Tờ trình và hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản trả lời và nêu rõ lý do. - Chuyển kết quả về Trung tâm Phục vụ hành chính công. <p>Bước 5. Trung tâm Phục vụ hành chính công có trách nhiệm liên hệ, trả kết quả cho tổ chức.</p> <p>2. Thời hạn giải quyết: 18,5 ngày làm việc, trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Phục vụ hành chính công: 0,5 ngày làm việc; - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 10 ngày làm việc; - UBND tỉnh: 08 ngày làm việc. <p>3. Đối tượng thực hiện: Tổ chức.</p> <p>4. Cơ quan giải quyết TTHC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan tiếp nhận hồ sơ: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp 		-

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện, thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý; Yêu cầu điều kiện thủ tục hành chính
			tỉnh. 5. Kết quả thực hiện: Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo Mẫu số 24 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ.		
4	Phê duyệt Phương án sử dụng rừng đối với các công trình kết cấu hạ tầng phục vụ bảo vệ và phát triển rừng thuộc địa phương quản lý - Mã số: 1.012690	1. Thành phần hồ sơ: a) Hồ sơ chủ rừng nộp đến Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn: - Phương án sử dụng rừng theo Mẫu số 28 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ. - Văn bản đề nghị phê duyệt Phương án sử dụng rừng theo Mẫu số 29 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ. b) Hồ sơ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình UBND tỉnh: - Tờ trình của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Báo cáo kết quả kiểm tra, xác minh của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Hồ sơ chủ rừng đã gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn gồm: + Phương án sử dụng rừng theo Mẫu số 28 Phụ lục II kèm theo	1. Trình tự thực hiện Bước 1. Chủ rừng nộp trực tiếp hoặc qua bưu điện 01 bộ hồ sơ tới Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Nông (TTPVHCC) theo địa chỉ: Số 98 đường 23/3, phường Nghĩa Đức, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông hoặc dịch vụ công trực tuyến (http://dichvucong.daknong.gov.vn); - Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Giờ hành chính từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định). - Nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận và viết Phiếu biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (theo mẫu). - Nếu hồ sơ còn thiếu, chưa đúng quy định thì hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo đúng quy định (theo mẫu). - Nếu hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết thì hướng dẫn người nộp hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định (theo mẫu). - Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Nông chuyển hồ sơ về Chi cục Kiểm lâm (Phòng Sử dụng và Phát triển rừng). Bước 2. Trong thời hạn 2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Chi cục Kiểm lâm (Phòng Sử dụng và Phát triển rừng) có trách nhiệm kiểm tra	Không	1. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không. 2. Căn cứ pháp lý: Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện, thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý; Yêu cầu điều kiện thủ tục hành chính
		<p>Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ. + Văn bản đề nghị phê duyệt Phương án sử dụng rừng theo Mẫu số 29 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>	<p>thành phần, nội dung chủ yếu trong hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ hợp lệ, thực hiện bước 3. - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Chi cục Kiểm lâm trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do gửi Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Nông; Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc (<i>không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính</i>) TTPVHCC thông báo cho tổ chức, cá nhân điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. <p>Bước 3. Trong thời hạn 7,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Chi cục Kiểm lâm (Phòng Sử dụng và Phát triển rừng) tham mưu Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm tra, xác minh và tổng hợp trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt.</p> <p>Bước 4. Phê duyệt</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được tờ trình và hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định phê duyệt Phương án sử dụng rừng. Trường hợp không phê duyệt, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. - Kết quả gửi về Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Nông. <p>Bước 5. Trung tâm Phục vụ hành chính công có trách nhiệm liên hệ, trả kết quả cho chủ rừng.</p> <p>2. Thời hạn giải quyết: 14,5 ngày làm việc. Trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Phục vụ hành chính công: 0,5 ngày làm việc; - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 10 ngày 		

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện, thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý; Yêu cầu điều kiện thủ tục hành chính
			<p>làm việc; - UBND tỉnh: 04 ngày làm việc. 3. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ rừng 4. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: - Cơ quan tiếp nhận hồ sơ: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh. 5. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt Phương án sử dụng rừng theo Mẫu số 30 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ.</p>		
5	<p>Quyết định thu hồi rừng đối với tổ chức tự nguyện trả lại rừng. - Mã số: 1.012691</p>	<p>1. Thành phần hồ sơ: a) Hồ sơ chủ rừng là tổ chức gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Văn bản trả lại rừng. b) Hồ sơ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Ủy ban nhân dân tỉnh: - Tờ trình của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Văn bản trả lại rừng của chủ rừng.</p>	<p>1. Trình tự thực hiện: Bước 1. Chủ rừng nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Nông (TTPVHCC) theo địa chỉ: Số 98 đường 23/3, phường Nghĩa Đức, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông hoặc dịch vụ công trực tuyến (http://dichvucong.daknong.gov.vn); - Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Giờ hành chính từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định). - Nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận và viết Phiếu biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (theo mẫu). - Nếu hồ sơ còn thiếu, chưa đúng quy định thì hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo đúng quy định (theo mẫu). - Nếu hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết thì hướng dẫn người nộp hồ sơ đến cơ quan có</p>	Không	<p>1. Căn cứ pháp lý: Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp 2. Yêu cầu điều kiện thủ tục hành chính: Không</p>

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện, thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý; Yêu cầu điều kiện thủ tục hành chính
			<p>thẩm quyền theo quy định (theo mẫu).</p> <p>- Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Nông chuyển hồ sơ về Chi cục Kiểm lâm (Phòng Quản lý, bảo vệ rừng và bảo tồn thiên nhiên).</p> <p>Bước 2. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Chi cục Kiểm lâm (Phòng Quản lý, bảo vệ rừng và bảo tồn thiên nhiên) có trách nhiệm kiểm tra thành phần, nội dung chủ yếu trong hồ sơ:</p> <p>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ thực hiện sang bước 3.</p> <p>- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Chi cục Kiểm lâm thông báo hoặc hướng dẫn bằng văn bản gửi TTPVHCC; trong thời hạn 0,5 ngày làm việc (<i>không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính</i>) TTPVHCC thông báo cho tổ chức điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định.</p> <p>Bước 3. Sau khi nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Chi cục Kiểm lâm (Phòng Quản lý, bảo vệ rừng và bảo tồn thiên nhiên) xem xét, tham mưu Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình UBND tỉnh xem xét, quyết định thu hồi đối với tổ chức tự nguyện trả lại rừng.</p> <p>Thời gian: 9,5 ngày làm việc.</p> <p>Bước 4. Sau khi nhận được Tờ trình của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND tỉnh ban hành quyết định thu hồi rừng.</p> <p>- Chuyển kết quả về Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Nông.</p>		

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện, thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý; Yêu cầu điều kiện thủ tục hành chính
			<p>Thời gian: 04 ngày làm việc.</p> <p>Bước 5. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh trả kết quả cho chủ rừng.</p> <p>2. Thời hạn giải quyết: 16 ngày làm việc. Trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Phục vụ hành chính công: 0,5 ngày làm việc; - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 11,5 ngày làm việc. - UBND tỉnh: 04 ngày làm việc <p>3. Đối tượng thực hiện TTHC: Chủ rừng là tổ chức.</p> <p>4. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan tiếp nhận hồ sơ: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh. <p>5. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định thu hồi rừng theo Mẫu số 27 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ.</p>		
6	<p>Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác</p> <p>- Mã số: 3.000152</p>	<p>1. Thành phần hồ sơ:</p> <p><i>(i) Trường hợp Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh</i></p> <p>a) Hồ sơ tổ chức, cá nhân nộp gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị quyết định chủ trương chuyển mục đích sử 	<p>1. Trình tự thực hiện:</p> <p><i>(i) Trường hợp Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh</i></p> <p>Bước 1. Nộp, tiếp nhận hồ sơ</p> <p>Tổ chức, cá nhân có dự án đề nghị quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ</p>	Không	<p>1. Căn cứ pháp lý: Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Lâm nghiệp.</p> <p>2. Yêu cầu điều kiện thủ tục hành chính: Không</p>

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện, thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý; Yêu cầu điều kiện thủ tục hành chính
		<p>dụng rừng sang mục đích khác theo Mẫu số 17 (đối với tổ chức), Mẫu số 18 (đối cá nhân) Phụ lục II kèm theo Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ;</p> <p>- Bản sao văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc quyết định chủ trương đầu tư hoặc quyết định phê duyệt dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, đầu tư công, đầu tư theo phương thức đối tác công tư, đầu khí và pháp luật khác có liên quan; báo cáo đề xuất dự án đầu tư công khẩn cấp hoặc quyết định phê duyệt chương trình, mục tiêu quốc gia hoặc quyết định chủ trương đầu tư dự án trong đó có dự án thành phần đề xuất chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với dự án theo quy định tại khoản 6 Điều 18 Luật Đầu tư công năm 2019;</p> <p>- Tài liệu về đánh giá tác động môi trường của dự án là một trong các tài liệu sau: bản chính đánh giá sơ bộ tác động môi trường hoặc báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc bản</p>	<p>hành chính công tỉnh Đắk Nông (TTPVHCC) theo địa chỉ: Số 98 đường 23/3, phường Nghĩa Đức, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông hoặc dịch vụ công trực tuyến (http://dichvucong.daknong.gov.vn);</p> <p>- Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Giờ hành chính từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định).</p> <p>- Nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận và viết Phiếu biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (theo mẫu).</p> <p>- Nếu hồ sơ còn thiếu, chưa đúng quy định thì hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo đúng quy định (theo mẫu).</p> <p>- Nếu hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết thì hướng dẫn người nộp hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định (theo mẫu).</p> <p>- Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, TTPVHCC chuyển hồ sơ về Chi cục Kiểm lâm (Phòng Sử dụng và Phát triển rừng).</p> <p>Bước 2. Kiểm tra hồ sơ</p> <p>Trong thời hạn 2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Chi cục Kiểm lâm (Phòng Sử dụng và Phát triển rừng) có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ:</p> <p>- Trường hợp hồ sơ hợp lệ, thực hiện bước 3.</p> <p>- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Chi cục Kiểm lâm trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do gửi Trung tâm Hành chính công tỉnh Đắk Nông; Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc (<i>không tính</i></p>		



Stt	Tên thủ tục hành chính	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện, thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý; Yêu cầu điều kiện thủ tục hành chính
		<p>500 ha, tỷ lệ 1/10.000 đối với dự án có diện tích chuyển mục đích sử dụng sang rừng mục đích khác từ 500 ha trở lên và dự án dạng tuyến;</p> <p>- Văn bản cam kết thực hiện nghĩa vụ trồng rừng thay thế đối với diện tích đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.</p> <p>b) Hồ sơ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, gồm:</p> <p>- Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo Mẫu số 19 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 91/2024/NĐ-CP;</p> <p>- Báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ trình quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;</p> <p>- Hồ sơ tại Mục a) nêu trên.</p> <p>- Tài liệu liên quan (nếu có).</p> <p>c) Hồ sơ Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lấy ý kiến thống nhất của bộ, ngành trong</p>	<p>Thời gian: 12 ngày làm việc.</p> <p>- Trường hợp kết quả thẩm định không đủ điều kiện, trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức thẩm định, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do gửi tổ chức, cá nhân thông qua Trung tâm Phục vụ hành chính công.</p> <p>Bước 4. Báo cáo kết quả thẩm định</p> <p>Sau khi tổ chức thẩm định đủ điều kiện, Chi cục Kiểm lâm tham mưu Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kết quả thẩm định để trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.</p> <p>Thời gian: 7,5 ngày làm việc.</p> <p>Bước 5. UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh hoặc lấy ý kiến thống nhất của bộ, ngành (đối với trường hợp diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng sang mục đích khác thuộc phạm vi quản lý của chủ rừng là các đơn vị trực thuộc các bộ, ngành) trước khi trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.</p> <p>* Trong thời gian 08 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả thẩm định và hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.</p> <p>* Trường hợp diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng sang mục đích khác thuộc phạm vi quản lý của chủ rừng là các đơn vị trực thuộc các bộ,</p>		

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện, thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý; Yêu cầu điều kiện thủ tục hành chính
		<p>trường hợp diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng sang mục đích khác thuộc phạm vi quản lý của chủ rừng là các đơn vị trực thuộc các bộ, ngành, gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; - Báo cáo kết quả thẩm định của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Hồ sơ tại Mục a) nêu trên. <p>d) Hồ sơ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với trường hợp diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng sang mục đích khác thuộc phạm vi quản lý của chủ rừng là các đơn vị trực thuộc các bộ, ngành, gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo Mẫu số 19 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ; - Báo cáo kết quả thẩm định của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; 	<p>ngành:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả thẩm định của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản lấy ý kiến thống nhất của bộ, ngành. - Trong thời gian 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, bộ, ngành có ý kiến bằng văn bản gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trường hợp không thống nhất, nêu rõ lý. - Trong thời gian 3,5 ngày kể từ ngày nhận được ý kiến thống nhất của bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác. <p>Bước 6. Quyết định Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác: Thực hiện theo quy chế làm việc của Hội đồng nhân dân tỉnh.</p> <p>Chuyển kết quả về Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Nông.</p> <p>Bước 7. Trung tâm Phục vụ hành chính công có trách nhiệm liên hệ, trả kết quả cho cá nhân, tổ chức.</p> <p><i>(ii) Trường hợp Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với dự án đầu tư có đề xuất chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thuộc thẩm quyền chấp thuận, quyết định chủ trương đầu</i></p>		

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện, thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý; Yêu cầu điều kiện thủ tục hành chính
		<p>- Hồ sơ tại Mục a) nêu trên.</p> <p>- Tài liệu liên quan (nếu có);</p> <p>- Văn bản cho ý kiến thống nhất của bộ, ngành (trong trường hợp diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng sang mục đích khác thuộc phạm vi quản lý của chủ rừng là các đơn vị trực thuộc các bộ, ngành).</p> <p>(ii) Trường hợp Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với dự án đầu tư có đề xuất chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thuộc thẩm quyền chấp thuận, quyết định chủ trương đầu tư của Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Dầu khí, hồ sơ bao gồm:</p> <p>- Văn bản chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư dự án đồng thời là chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác; trong nội dung văn bản chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư dự án có ghi dự kiến quy mô diện tích rừng cần chuyển sang mục đích khác để thực hiện dự</p>	<p><i>tư của Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Dầu khí</i></p> <p>Trong quá trình thẩm định để chấp thuận, quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận, quyết định chủ trương đầu tư của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Cơ quan chủ trì thẩm định lấy ý kiến thẩm định của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi dự kiến thực hiện dự án về đề xuất chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác của dự án.</p> <p>Nội dung lấy ý kiến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về: hiện trạng rừng (rừng tự nhiên, rừng trồng; rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và rừng sản xuất); tiêu chí dự án được chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên sang mục đích khác (đối với dự án có chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên); sự phù hợp của dự án với quy hoạch theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 1 Điều 19 Luật Lâm nghiệp (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 và khoản 4 Điều 248 Luật Đất đai năm 2024); khẳng định đủ điều kiện hay không đủ điều kiện để quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.</p> <p><i>(iii) Trường hợp Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với dự án thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận, quyết định chủ trương đầu tư có đề xuất chuyển mục đích</i></p>		

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện, thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý; Yêu cầu điều kiện thủ tục hành chính
		<p>án.</p> <p>- Báo cáo thuyết minh hiện trạng rừng và bản đồ hiện trạng rừng khu vực đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác do chủ dự án lập trong thời gian 6 tháng trước ngày nộp hồ sơ. Báo cáo thuyết minh thể hiện rõ thông tin về vị trí (tiểu khu, khoảnh, lô, địa danh hành chính khu rừng), diện tích rừng theo: loại rừng (rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất), nguồn gốc hình thành (rừng tự nhiên, rừng trồng) và được thể hiện trên bản đồ hiện trạng rừng tỷ lệ 1/5.000 đối với dự án có diện tích chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác dưới 500 ha, tỷ lệ 1/10.000 đối với dự án có diện tích chuyển mục đích sử dụng sang rừng mục đích khác từ 500 ha trở lên và dự án dạng tuyến (thành phần hồ sơ này là thành phần trong hồ sơ trình cấp có thẩm quyền chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư dự án).</p> <p>2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ</p>	<p><i>sử dụng rừng sang mục đích khác đối với diện tích rừng thuộc phạm vi quản lý của chủ rừng là các đơn vị trực thuộc các bộ, ngành</i></p> <p>Trước khi trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận, quyết định chủ trương đầu tư dự án, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản lấy ý kiến thống nhất của bộ, ngành và chỉ trình cấp có thẩm quyền chấp thuận, quyết định chủ trương đầu tư dự án khi được sự thống nhất của bộ, ngành về chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện dự án.</p> <p>2. Thời hạn giải quyết:</p> <p>2.1. Trường hợp Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh: 30,5 ngày làm việc, trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Phục vụ hành chính công: 0,5 ngày làm việc; - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 22 ngày làm việc; - UBND tỉnh: 08 ngày làm việc; - Hội đồng nhân dân tỉnh: Theo Quy chế làm việc của Hội đồng nhân dân tỉnh. <p>2.2. Trường hợp diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng sang mục đích khác thuộc phạm vi quản lý của chủ rừng là các đơn vị trực thuộc các bộ, ngành: 44 ngày làm việc, trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Phục vụ hành chính công: 0,5 ngày làm việc; - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 22 ngày làm việc; 		

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện, thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý; Yêu cầu điều kiện thủ tục hành chính
			<ul style="list-style-type: none"> - UBND tỉnh: 21,5 ngày làm việc (gồm cả thời gian các bộ, ngành cho ý kiến); - Hội đồng nhân dân tỉnh: Theo Quy chế làm việc của Hội đồng nhân dân tỉnh <p>3. Đối tượng thực hiện: Tổ chức, cá nhân.</p> <p>4. Cơ quan giải quyết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan tiếp nhận hồ sơ: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác: Hội đồng nhân dân cấp tỉnh. <p>5. Kết quả thực hiện: Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.</p>		
7	Quyết định điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác - Mã số: 1.012692	<p>1. Thành phần hồ sơ:</p> <p>a) Hồ sơ tổ chức, cá nhân nộp gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị quyết định điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo Mẫu số 17 (đối với tổ chức), Mẫu số 18 (đối với cá nhân) Phụ lục II kèm theo Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ; - Bản sao văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc quyết định chủ trương đầu tư hoặc quyết định phê duyệt dự án đầu tư theo quy định của pháp luật 	<p>1. Trình tự thực hiện:</p> <p>Bước 1. Nộp, tiếp nhận hồ sơ</p> <p>Tổ chức, cá nhân có dự án đề nghị quyết định điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Nông (TTPVHCC) theo địa chỉ: Số 98 đường 23/3, phường Nghĩa Đức, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông hoặc dịch vụ công trực tuyến (http://dichvucong.daknong.gov.vn);</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Giờ hành chính từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định). - Nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận và viết Phiếu biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (theo mẫu). 	Không	<p>1. Căn cứ pháp lý: Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp</p> <p>2. Yêu cầu điều kiện thủ tục hành chính: Không</p>

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện, thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý; Yêu cầu điều kiện thủ tục hành chính
		<p>về đầu tư, đầu tư công, đầu tư theo phương thức đối tác công tư, đầu khí và pháp luật khác có liên quan; báo cáo đề xuất dự án đầu tư công khẩn cấp hoặc quyết định phê duyệt chương trình, mục tiêu quốc gia hoặc quyết định chủ trương đầu tư dự án trong đó có dự án thành phần đề xuất chuyển mục đích sử dụng rừng đối với dự án theo quy định tại khoản 6 Điều 18 Luật Đầu tư công năm 2019;</p> <p>- Tài liệu về đánh giá tác động môi trường của dự án là một trong các tài liệu sau: bản chính đánh giá sơ bộ tác động môi trường hoặc báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc bản sao quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường kèm theo báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc bản sao giấy phép môi trường hoặc đăng ký môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, đầu tư, đầu tư công, đầu tư theo phương thức đối tác công tư, đầu khí hoặc các quy định của pháp luật có liên quan;</p>	<p>- Nếu hồ sơ còn thiếu, chưa đúng quy định thì hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo đúng quy định (theo mẫu).</p> <p>- Nếu hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết thì hướng dẫn người nộp hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định (theo mẫu).</p> <p>- Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Nông chuyển hồ sơ về Chi cục Kiểm lâm (Phòng Sử dụng và Phát triển rừng).</p> <p>Bước 2. Kiểm tra hồ sơ</p> <p>Trong thời hạn 2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Chi cục Kiểm lâm (Phòng Sử dụng và Phát triển rừng) có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ:</p> <p>- Trường hợp hồ sơ hợp lệ, thực hiện bước 3.</p> <p>- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Chi cục Kiểm lâm trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do gửi Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Nông; Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc (<i>không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính</i>) TTPVHCC thông báo cho tổ chức, cá nhân.</p> <p>Bước 3. Thẩm định</p> <p>Sau khi nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Chi cục Kiểm lâm (Phòng Sử dụng và Phát triển rừng) tham mưu Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:</p> <p>- Kiểm tra, xác minh về báo cáo thuyết minh hiện trạng rừng và bản đồ hiện trạng rừng khu vực đề nghị quyết định điều chỉnh chủ trương</p>		

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện, thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý; Yêu cầu điều kiện thủ tục hành chính
		<p>- Báo cáo thuyết minh hiện trạng rừng và bản đồ hiện trạng rừng khu vực đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác do chủ dự án lập trong thời gian 6 tháng trước ngày nộp hồ sơ. Báo cáo thuyết minh thể hiện rõ thông tin về vị trí (tiểu khu, khoảnh, lô, địa danh hành chính khu rừng), diện tích rừng theo: loại rừng (rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất), nguồn gốc hình thành (rừng tự nhiên, rừng trồng) và được thể hiện trên bản đồ hiện trạng rừng tỷ lệ 1/5.000 đối với dự án có diện tích chuyển mục đích sử dụng rừng dưới 500 ha, tỷ lệ 1/10.000 đối với dự án có diện tích chuyển mục đích sử dụng rừng từ 500 ha trở lên và dự án dạng tuyến.</p> <p>- Văn bản cam kết thực hiện nghĩa vụ trồng rừng thay thế đối với diện tích đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.</p> <p>b) Hồ sơ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định</p>	<p>chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác và tổ chức thẩm định.</p> <p>Nội dung thẩm định bao gồm: Cơ sở pháp lý; thành phần, nội dung hồ sơ; sự cần thiết đầu tư dự án; vị trí tiểu khu, khoảnh, lô, địa danh hành chính, diện tích rừng theo: nguồn gốc hình thành (rừng tự nhiên, rừng trồng); loại rừng (rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất); trữ lượng đối với rừng tự nhiên, loài cây và trữ lượng đối với rừng trồng theo báo cáo thuyết minh và bản đồ hiện trạng rừng; đáp ứng nguyên tắc, căn cứ chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo quy định tại Điều 14, Điều 15 Luật Lâm nghiệp (được sửa đổi bổ sung tại khoản 1, khoản 2 Điều 248 Luật Đất đai năm 2024). Đối với dự án có chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên sang mục đích khác: thẩm định dự án đáp ứng tiêu chí dự án được chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên sang mục đích khác theo quy định tại Điều 41a Nghị định số 156/2028/NĐ-CP (bổ sung tại khoản 23 Điều 1 Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ).</p> <p>Thời gian: 12 ngày làm việc.</p> <p>- Trường hợp kết quả thẩm định không đủ điều kiện, trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức thẩm định, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do gửi tổ chức, cá nhân.</p> <p>Bước 4. Báo cáo kết quả thẩm định</p> <p>Sau khi tổ chức thẩm định đủ điều kiện, Chi cục</p>		

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện, thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý; Yêu cầu điều kiện thủ tục hành chính
		<p>điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo Mẫu số 19 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ; - Báo cáo kết quả thẩm định của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Hồ sơ theo Mục a) nêu trên. - Tài liệu liên quan (nếu có). <p>c) Hồ sơ Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lấy ý kiến thống nhất của bộ, ngành trong trường hợp diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng sang mục đích khác thuộc phạm vi quản lý của chủ rừng là các đơn vị trực thuộc các bộ, ngành, gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; - Báo cáo kết quả thẩm định của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Hồ sơ theo Mục a) nêu trên. <p>d) Hồ sơ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định</p>	<p>Kiểm lâm tham mưu Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kết quả thẩm định để trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.</p> <p>Thời gian: 7,5 ngày làm việc.</p> <p>Bước 5. UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh hoặc lấy ý kiến thống nhất của bộ, ngành (đối với trường hợp diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng sang mục đích khác thuộc phạm vi quản lý của chủ rừng là các đơn vị trực thuộc các bộ, ngành):</p> <p>* Trong thời gian 08 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả thẩm định và hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.</p> <p>* Trường hợp diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng sang mục đích khác thuộc phạm vi quản lý của chủ rừng là các đơn vị trực thuộc các bộ, ngành:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả thẩm định của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản lấy ý kiến thống nhất của bộ, ngành. - Trong thời gian 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, bộ, ngành có ý kiến bằng văn bản gửi Ủy ban 		

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện, thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý; Yêu cầu điều kiện thủ tục hành chính
		<p>điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với trường hợp diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng sang mục đích khác thuộc phạm vi quản lý của chủ rừng là các đơn vị trực thuộc các bộ, ngành, gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo Mẫu số 19 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ; - Báo cáo kết quả thẩm định của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Hồ sơ theo Mục a) nêu trên. - Tài liệu liên quan (nếu có); - Văn bản cho ý kiến thống nhất của bộ, ngành (trong trường hợp diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng sang mục đích khác thuộc phạm vi quản lý của chủ rừng là các đơn vị trực thuộc các bộ, ngành). <p>2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ</p>	<p>nhân dân cấp tỉnh. Trường hợp không thống nhất, nêu rõ lý.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời gian 3,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến thống nhất của bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác. <p>Bước 6. Quyết định</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sau khi nhận được hồ sơ và tờ trình của UBND cấp tỉnh trình, Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác. - Thời gian thực hiện theo quy chế làm việc của Hội đồng nhân dân tỉnh. - Chuyển kết quả về Trung tâm Phục vụ hành chính công. <p>Bước 7. Trung tâm Phục vụ hành chính công có trách nhiệm liên hệ, trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.</p> <p>2. Thời hạn giải quyết:</p> <p>2.1.Trường hợp Quyết định điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh: 30,5 ngày làm việc, trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Phục vụ hành chính công: 0,5 ngày làm việc; - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 22 ngày làm việc; - UBND tỉnh: 08 ngày làm việc; 		

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện, thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý; Yêu cầu điều kiện thủ tục hành chính
			<p>- Hội đồng nhân dân tỉnh: Theo Quy chế làm việc của Hội đồng nhân dân tỉnh.</p> <p>2.2. Trường hợp diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng sang mục đích khác thuộc phạm vi quản lý của chủ rừng là các đơn vị trực thuộc các bộ, ngành: 44 ngày làm việc, trong đó:</p> <p>- Trung tâm Phục vụ hành chính công: 0,5 ngày làm việc;</p> <p>- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 22 ngày làm việc;</p> <p>- UBND tỉnh: 21,5 ngày làm việc (gồm cả thời gian các bộ, ngành cho ý kiến);</p> <p>- Hội đồng nhân dân tỉnh: Theo Quy chế làm việc của Hội đồng nhân dân tỉnh.</p> <p>3. Đối tượng thực hiện: Tổ chức, cá nhân.</p> <p>4. Cơ quan giải quyết TTHC:</p> <p>- Cơ quan tiếp nhận hồ sơ: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p> <p>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác: Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.</p> <p>5. Kết quả thực hiện: Quyết định điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.</p>		
8	Phê duyệt hoặc điều chỉnh đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc	<p>1. Thành phần hồ sơ:</p> <p>- Tờ trình đề nghị phê duyệt đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí (bản chính).</p> <p>- Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí quy định tại</p>	<p>1. Trình tự thực hiện:</p> <p>Bước 1. Nộp, tiếp nhận hồ sơ</p> <p>Chủ rừng nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Nông (TTPVHCC) theo địa chỉ: Số 98 đường 23/3, phường Nghĩa Đức, thành</p>	Không	<p>1. Căn cứ pháp lý: Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ</p>

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện, thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý; Yêu cầu điều kiện thủ tục hành chính
	dụng thuộc địa phương quản lý - Mã số: 1.000084	khoản 1 Điều 14 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 91/2024/NĐ-CP (bản chính). - Bản đồ hiện trạng của khu rừng đặc dụng tỷ lệ 1/10.000 hoặc 1/25.000 theo hệ quy chiếu VN2000. - Bản vẽ tổng mặt bằng các tuyến, điểm du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí, tổ chức không gian kiến trúc và hạ tầng du lịch của khu rừng đặc dụng tỷ lệ 1/10.000 hoặc 1/25.000. - Bản đồ tỷ lệ 1/10.000 hoặc 1/25.000 theo hệ quy chiếu VN2000 và thuyết minh về định hướng hệ thống hạ tầng kỹ thuật: khu vực dự kiến điểm đầu nối và mạng lưới giao thông. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.	phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông hoặc dịch vụ công trực tuyến (http://dichvucong.daknong.gov.vn). - Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Giờ hành chính từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định). - Nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận và viết Phiếu biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (theo mẫu). - Nếu hồ sơ còn thiếu, chưa đúng quy định thì hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo đúng quy định (theo mẫu). - Nếu hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết thì hướng dẫn người nộp hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định (theo mẫu). - Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Nông chuyển hồ sơ về Chi cục Kiểm lâm (Phòng Sứ dụng và Phát triển rừng). Bước 2. Kiểm tra hồ sơ Trong thời hạn 2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Chi cục Kiểm lâm (Phòng Sứ dụng và Phát triển rừng) có trách nhiệm kiểm tra thành phần, nội dung chủ yếu trong hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ hợp lệ, thực hiện bước 3. - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Chi cục Kiểm lâm thông báo hoặc hướng dẫn bằng văn bản gửi Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Nông; Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc (<i>không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính</i>) TTPVHCC thông báo cho chủ rừng điều chỉnh,		quy định chi tiết thi hành Luật Lâm nghiệp 2. Yêu cầu điều kiện thủ tục hành chính: Không

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện, thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý; Yêu cầu điều kiện thủ tục hành chính
			<p>bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định.</p> <p>Bước 3. Thẩm định Sau khi nhận hồ sơ hợp lệ, Chi cục Kiểm lâm (Phòng Sử dụng và Phát triển rừng) tham mưu Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: - Tổ chức lấy ý kiến thẩm định; - Báo cáo kết quả thẩm định; - Trình UBND tỉnh Quyết định phê duyệt đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí. Thời gian: 27,5 ngày làm việc.</p> <p>Bước 4. Quyết định phê duyệt - Sau khi nhận được hồ sơ đầy đủ của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình, Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định phê duyệt hoặc điều chỉnh đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí. - Chuyển kết quả về Trung tâm Phục vụ hành chính công. Thời gian: 08 ngày làm việc.</p> <p>Bước 5. Trung tâm Phục vụ hành chính công có trách nhiệm liên hệ, trả kết quả cho chủ rừng.</p> <p>2. Thời hạn giải quyết: 38,5 ngày làm việc. Trong đó: - Trung tâm Phục vụ hành chính công: 0,5 ngày làm việc; - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 30 ngày làm việc; - UBND tỉnh: 08 ngày làm việc.</p> <p>3. Đối tượng thực hiện TTHC: Chủ rừng. 4. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: - Cơ quan tiếp nhận hồ sơ: Sở Nông nghiệp và</p>		

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện, thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý; Yêu cầu điều kiện thủ tục hành chính
			Phát triển nông thôn. - Cơ quan/người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND cấp tỉnh. 5. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt hoặc điều chỉnh đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý.		
9	Phê duyệt hoặc điều chỉnh đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng phòng hộ hoặc rừng sản xuất thuộc địa phương quản lý - Mã số: 1.000081	1. Thành phần hồ sơ: - Bản chính Tờ trình đề nghị phê duyệt đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí. - Bản chính Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí quy định tại khoản 1 Điều 23, Điều 32 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 10, khoản 16 Điều 1 Nghị định số 91/2024/NĐ-CP. - Bản đồ hiện trạng của khu rừng phòng hộ tỷ lệ 1/10.000 hoặc 1/25.000 theo hệ quy chiếu VN2000. - Bản vẽ tổng mặt bằng các tuyến, điểm du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí, tổ chức không gian kiến trúc và hạ tầng du lịch của khu rừng phòng hộ tỷ lệ 1/10.000 hoặc 1/25.000. - Bản đồ tỷ lệ 1/10.000 hoặc 1/25.000 theo hệ quy chiếu VN2000 và thuyết minh về	1. Trình tự thực hiện: Bước 1. Nộp, tiếp nhận hồ sơ Chủ rừng nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Nông (TTPVHCC) theo địa chỉ: Số 98 đường 23/3, phường Nghĩa Đức, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông hoặc dịch vụ công trực tuyến (http://dichvucong.daknong.gov.vn); - Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Giờ hành chính từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định). - Nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận và viết Phiếu biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (theo mẫu). - Nếu hồ sơ còn thiếu, chưa đúng quy định thì hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo đúng quy định (theo mẫu). - Nếu hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết thì hướng dẫn người nộp hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định (theo mẫu). - Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Nông chuyển hồ sơ về Chi cục Kiểm lâm (Phòng Sử dụng và Phát triển	Không	1. Căn cứ pháp lý: Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Lâm nghiệp. 2. Yêu cầu điều kiện thủ tục hành chính: Không

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện, thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý; Yêu cầu điều kiện thủ tục hành chính
		<p>định hướng hệ thống hạ tầng kỹ thuật: khu vực dự kiến điểm đầu nối và mạng lưới giao thông.</p> <p>2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>	<p>rừng).</p> <p>Bước 2. Kiểm tra hồ sơ Trong thời hạn 2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Chi cục Kiểm lâm (Phòng Sử dụng và Phát triển rừng) có trách nhiệm kiểm tra thành phần, nội dung chủ yếu trong hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ hợp lệ, thực hiện bước 3. - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Chi cục Kiểm lâm thông báo hoặc hướng dẫn bằng văn bản gửi Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Nông; Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc (<i>không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính</i>) TTPVHCC thông báo cho chủ rừng điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định.</p> <p>Bước 3. Thẩm định Sau khi nhận hồ sơ hợp lệ, Chi cục Kiểm lâm (Phòng Sử dụng và Phát triển rừng) tham mưu Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: - Tổ chức lấy ý kiến thẩm định; - Báo cáo kết quả thẩm định; - Trình UBND tỉnh Quyết định phê duyệt đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí. Thời gian: 27,5 ngày làm việc.</p> <p>Bước 4. Quyết định phê duyệt - Sau khi nhận được hồ sơ đầy đủ của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình, Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định phê duyệt đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí. - Chuyển kết quả về Trung tâm Phục vụ hành chính công. Thời gian: 08 ngày làm việc.</p>		

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện, thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý; Yêu cầu điều kiện thủ tục hành chính
			<p>Bước 5. Trung tâm Phục vụ hành chính công có trách nhiệm liên hệ, trả kết quả cho chủ rừng.</p> <p>2. Thời hạn giải quyết: 38,5 ngày làm việc.</p> <p>Trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Phục vụ hành chính công: 0,5 ngày làm việc; - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 30 ngày làm việc; - UBND tỉnh: 08 ngày làm việc. <p>3. Đối tượng thực hiện TTHC: Chủ rừng.</p> <p>4. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan tiếp nhận hồ sơ: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Cơ quan/người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND cấp tỉnh. <p>5. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt hoặc điều chỉnh đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng phòng hộ hoặc rừng sản xuất thuộc địa phương quản lý.</p>		
II	Thủ tục hành chính cấp huyện				
1	<p>Quyết định chuyên mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với cá nhân</p> <p>- Mã số: 1.012694</p>	<p>1. Thành phần hồ sơ:</p> <p>a) Hồ sơ cá nhân nộp :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đề nghị quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo Mẫu số 21 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024; - Bản sao Quyết định chủ 	<p>1. Trình tự thực hiện:</p> <p>Bước 1. Cá nhân có dự án đề nghị quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác hoặc có dự án đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư dự án có thay đổi về quy mô diện tích rừng cần chuyển mục đích sử dụng sang mục đích khác nhưng không thuộc trường hợp phải điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án theo quy</p>	Không	<p>1. Căn cứ pháp lý: Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.</p>

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện, thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý; Yêu cầu điều kiện thủ tục hành chính
		<p>trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác của cấp có thẩm quyền hoặc bản sao văn bản chấp thuận, quyết định chủ trương đầu tư đối với các dự án thuộc thẩm quyền của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận, quyết định chủ trương đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Dầu khí;</p> <p>- Phương án trồng rừng thay thế được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc thông báo hoàn thành nghĩa vụ nộp tiền trồng rừng thay thế đối với diện tích đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác;</p> <p>- Báo cáo thuyết minh hiện trạng rừng và bản đồ hiện trạng rừng khu vực đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác do chủ dự án lập trong thời gian 06 tháng trước ngày nộp hồ sơ. Báo cáo thuyết minh thể hiện rõ thông tin về vị trí (tiểu khu, khoảnh, lô, địa danh hành chính khu rừng),</p>	<p>định của Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Dầu khí nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện hoặc qua dịch vụ công trực tuyến (http://dichvucong.daknong.gov.vn);</p> <p>- Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định);</p> <p>- Nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận và viết Phiếu biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (theo mẫu);</p> <p>- Nếu hồ sơ còn thiếu, chưa đúng quy định thì hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo đúng quy định (theo mẫu);</p> <p>- Nếu hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết thì hướng dẫn người nộp hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định (theo mẫu);</p> <p>- Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện chuyển hồ sơ về Cơ quan chuyên môn về lâm nghiệp cấp huyện.</p> <p>Bước 2. Trong thời hạn 2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cơ quan chuyên môn về lâm nghiệp cấp huyện có trách nhiệm kiểm tra thành phần, nội dung chủ yếu trong hồ sơ:</p> <p>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ thực hiện sang bước 3.</p> <p>- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Cơ quan chuyên môn về lâm nghiệp cấp huyện thông báo hoặc hướng dẫn bằng văn bản gửi Bộ phận tiếp</p>		<p>2. Yêu cầu điều kiện thủ tục hành chính: Không</p>

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện, thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý; Yêu cầu điều kiện thủ tục hành chính
		<p>diện tích rừng theo: loại rừng (rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất), nguồn gốc hình thành (rừng tự nhiên, rừng trồng) và được thể hiện trên bản đồ hiện trạng rừng tỷ lệ 1/5.000 đối với dự án có diện tích chuyển mục đích sử dụng rừng dưới 500 ha, tỷ lệ 1/10.000 đối với dự án có diện tích chuyển mục đích sử dụng rừng từ 500 ha trở lên và dự án dạng tuyến.</p> <p>b) Hồ sơ Cơ quan chuyên môn về lâm nghiệp cấp huyện trình Ủy ban nhân dân cấp huyện, gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình của Cơ quan chuyên môn về lâm nghiệp, về việc đề nghị quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện dự án theo Mẫu số 23 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ; - Hồ sơ cá nhân đã nộp theo Mục a) nêu trên. <p>2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ</p>	<p>nhận và trả kết quả cấp huyện; trong thời hạn 0,5 ngày không tính vào thời gian giải quyết TTHC, Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện thông báo cho cá nhân điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định.</p> <p>Bước 3. Sau khi nhận hồ sơ hợp lệ, Cơ quan chuyên môn về lâm nghiệp cấp huyện lập tờ trình trình Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.</p> <p>Thời gian: 7,5 ngày làm việc.</p> <p>Bước 4. Quyết định</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Tờ trình và hồ sơ hợp lệ của Cơ quan chuyên môn về lâm nghiệp cấp huyện trình, UBND cấp huyện ban hành Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác. - Trường hợp không quyết định chuyển mục đích rừng sang mục đích khác, trong thời hạn 05 ngày làm việc UBND cấp huyện có văn bản trả lời cho cá nhân và nêu rõ lý do. - Chuyển kết quả về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện. <p>Bước 5. Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện liên hệ, trả kết quả cho cá nhân.</p> <p>2. Thời hạn giải quyết: 18,5 ngày làm việc. Trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện: 0,5 ngày làm việc; - Cơ quan chuyên môn về lâm nghiệp cấp huyện: 10 ngày làm việc. 		

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện, thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý; Yêu cầu điều kiện thủ tục hành chính
			<p>- UBND cấp huyện: 08 ngày làm việc</p> <p>3. Đối tượng thực hiện TTHC: Cá nhân.</p> <p>4. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:</p> <p>- Cơ quan tiếp nhận hồ sơ: Cơ quan chuyên môn về lâm nghiệp cấp huyện;</p> <p>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp huyện.</p> <p>5. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của UBND cấp huyện về việc chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện dự án theo Mẫu số 25 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ.</p>		
2	<p>Quyết định thu hồi rừng đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư tự nguyện trả lại rừng</p> <p>- Mã số: 1.012695</p>	<p>1. Thành phần hồ sơ:</p> <p>a) Hồ sơ chủ rừng gửi đến Cơ quan chuyên môn về lâm nghiệp cấp huyện: Văn bản trả lại rừng.</p> <p>b) Hồ sơ Cơ quan chuyên môn về lâm nghiệp:</p> <p>- Tờ trình của Cơ quan chuyên môn về lâm nghiệp.</p> <p>- Văn bản trả lại rừng của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư.</p> <p>2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ</p>	<p>1. Trình tự thực hiện:</p> <p>Bước 1. Chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư tự nguyện trả lại rừng nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện hoặc qua dịch vụ công trực tuyến (http://dichvucong.daknong.gov.vn);</p> <p>- Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định);</p> <p>- Nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận và viết Phiếu biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (theo mẫu);</p> <p>- Nếu hồ sơ còn thiếu, chưa đúng quy định thì hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo đúng quy định (theo mẫu);</p> <p>- Nếu hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết thì hướng dẫn người nộp hồ sơ đến cơ quan có</p>	Không	<p>1. Căn cứ pháp lý: Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.</p> <p>2. Yêu cầu điều kiện thủ tục hành chính: Không</p>

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện, thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý; Yêu cầu điều kiện thủ tục hành chính
			<p>thẩm quyền theo quy định (theo mẫu);</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện chuyển hồ sơ về Cơ quan chuyên môn về lâm nghiệp cấp huyện. <p>Bước 2. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cơ quan chuyên môn về lâm nghiệp cấp huyện có trách nhiệm kiểm tra thành phần, nội dung chủ yếu trong hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ thực hiện sang bước 3. - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Cơ quan chuyên môn về lâm nghiệp thông báo hoặc hướng dẫn bằng văn bản gửi hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. <p>Bước 3. Sau khi nhận hồ sơ hợp lệ, Cơ quan chuyên môn về lâm nghiệp tham mưu UBND cấp huyện quyết định thu hồi rừng đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư tự nguyện trả lại rừng.</p> <p>Thời gian: 10,5 ngày làm việc.</p> <p>Bước 4. Sau khi nhận được Tờ trình và hồ sơ hợp lệ đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư của Cơ quan chuyên môn về lâm nghiệp, UBND cấp huyện xem xét, quyết định thu hồi rừng.</p> <p>Thời gian: 04 ngày làm việc.</p> <p>Chuyên kết quả về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện.</p> <p>Bước 5. Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp</p>		

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện, thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý; Yêu cầu điều kiện thủ tục hành chính
			huyện liên hệ, trả kết quả cho cá nhân. 2. Thời hạn giải quyết: 16 ngày làm việc. Trong đó: - Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện: 0,5 ngày làm việc; - Cơ quan chuyên môn về lâm nghiệp cấp huyện: 11,5 ngày làm việc. - UBND cấp huyện: 04 ngày làm việc 3. Đối tượng thực hiện TTHC: Chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư. 4. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: - Cơ quan tiếp nhận hồ sơ: Cơ quan chuyên môn về lâm nghiệp cấp huyện; - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp huyện. 5. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định thu hồi rừng theo Mẫu số 26 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ.		
III	Thủ tục hành chính cấp xã				
1	Quyết định giao rừng cho hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư - Mã số: 1.012693	1. Thành phần hồ sơ: Đề nghị giao rừng theo Mẫu số 08 (đối với hộ gia đình, cá nhân), Mẫu số 09 (đối với cộng đồng dân cư) Phụ lục II kèm theo Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ.	1. Trình tự thực hiện: Bước 1. Nộp, tiếp nhận hồ sơ Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp xã hoặc qua dịch vụ công trực tuyến (http://dichvucong.daknong.gov.vn); - Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định); - Nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận	Không	1. Căn cứ pháp lý: Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp. 2. Yêu cầu điều kiện thủ tục hành chính: Không

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện, thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý; Yêu cầu điều kiện thủ tục hành chính
			<p>và viết Phiếu biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (theo mẫu);</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nếu hồ sơ còn thiếu, chưa đúng quy định thì hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo đúng quy định (theo mẫu); - Nếu hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết thì hướng dẫn người nộp hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định (theo mẫu); - Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp xã chuyển hồ sơ về UBND cấp xã. <p>Bước 2. Kiểm tra nội dung hồ sơ</p> <p>Trong thời hạn 2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, UBND cấp xã có trách nhiệm kiểm tra thành phần, nội dung chủ yếu trong hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ thực hiện sang bước 3. - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, UBND cấp xã thông báo hoặc hướng dẫn bằng văn bản gửi Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp xã; trong thời hạn 0,5 ngày làm việc (<i>không tính vào thời hạn giải quyết TTHC</i>), Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã thông báo cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. <p>Bước 3. Chuyển hồ sơ đến Cơ quan chuyên môn về lâm nghiệp cấp huyện.</p> <p>Sau khi nhận hồ sơ hợp lệ, UBND cấp xã chuyển đề nghị giao rừng của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư đến Cơ quan chuyên môn về lâm</p>		

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện, thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý; Yêu cầu điều kiện thủ tục hành chính
			<p>nghiệp cấp huyện. Thời gian: 04 ngày làm việc. Bước 4. Kiểm tra nội dung giao rừng, kiểm tra hiện trạng khu rừng tại thực địa, trình Ủy ban nhân dân cấp huyện. Sau khi nhận được hồ sơ của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư do UBND cấp xã chuyển đến, Cơ quan chuyên môn về lâm nghiệp cấp huyện có trách nhiệm: Phối hợp với Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện kiểm tra nội dung giao rừng theo quy định tại các Điều 14, 15 và 16 Luật Lâm nghiệp (sửa đổi bổ sung tại điều 248 Luật Đất đai năm 2024); phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức kiểm tra hiện trạng khu rừng tại thực địa (vị trí, ranh giới, tranh chấp); lập Tờ trình kèm theo hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định giao rừng cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư. Trường hợp không đủ điều kiện, Cơ quan chuyên môn về lâm nghiệp cấp huyện trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Thời gian: 24,5 ngày làm việc. Bước 4. Quyết định giao rừng - Trong thời gian 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Tờ trình của Cơ quan chuyên môn về lâm nghiệp cấp huyện trình, UBND cấp huyện xem xét, quyết định giao rừng cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư theo Mẫu số 10 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ.</p>		

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện, thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý; Yêu cầu điều kiện thủ tục hành chính
			<p>- Trường hợp không đủ điều kiện quyết định, Ủy ban nhân dân cấp huyện trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> <p>- Chuyển kết quả về Cơ quan chuyên môn về lâm nghiệp cấp huyện.</p> <p>Bước 5. Bàn giao rừng</p> <p>- Sau khi nhận được Quyết định giao rừng của UBND cấp huyện, Cơ quan chuyên môn về lâm nghiệp cấp huyện có trách nhiệm phối hợp với UBND cấp xã tổ chức bàn giao rừng thực địa cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư. Việc bàn giao phải xác định rõ vị trí, ranh giới, diện tích, hiện trạng, trữ lượng, điều kiện lập địa, loài cây, năm trồng đối với rừng trồng; bản đồ khu rừng được giao và lập thành biên bản, có ký tên của đại diện UBND cấp xã, địa diện chủ rừng liền kề theo Mẫu số 11 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ.</p> <p>- Chuyển kết quả về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã.</p> <p>Thời gian: 07 ngày làm việc.</p> <p>Bước 6. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã có trách nhiệm trả kết quả cho cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư.</p> <p>2. Thời hạn giải quyết: 42,5 ngày làm việc.</p> <p>Trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp xã: 0,5 ngày làm việc; - UBND cấp xã: 6,5 ngày làm việc. - Cơ quan chuyên môn về lâm nghiệp cấp huyện: 		

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện, thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý; Yêu cầu điều kiện thủ tục hành chính
			<p>31,5 ngày làm việc.</p> <p>- UBND cấp huyện: 04 ngày làm việc.</p> <p>3. Đối tượng thực hiện TTHC: Chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư.</p> <p>4. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:</p> <p>- Cơ quan tiếp nhận hồ sơ: Ủy ban nhân dân cấp xã;</p> <p>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp huyện.</p> <p>5. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:</p> <p>- Quyết định giao rừng cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư rừng theo Mẫu số 10 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ.</p> <p>- Biên bản bàn giao rừng Mẫu số 11 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ.</p>		

QUY TRÌNH NỘI BỘ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 8 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông)

I. Thủ tục hành chính cấp tỉnh: 09 TTHC

1. Phê duyệt điều chỉnh phân khu chức năng của khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý; Mã số: 1.012687

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 46,5 (ngày làm việc) x 08 giờ = 372 giờ

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	TG quy định (giờ)	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
B1	TTPVHCC	CC, VC	<ol style="list-style-type: none"> Chủ rừng nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công (TTPVHCC) hoặc dịch vụ công trực tuyến. Nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận, viết Phiếu biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (theo mẫu). Nếu hồ sơ còn thiếu, chưa đúng quy định thì hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo đúng quy định (theo Mẫu). Nếu hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết thì hướng dẫn người nộp hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định (theo Mẫu). Chuyển hồ sơ về Chi cục Kiểm lâm (Phòng quản lý, bảo vệ rừng và Bảo tồn thiên nhiên). 	4			
B2	Chi cục Kiểm lâm	Lãnh đạo Phòng Quản lý, bảo vệ rừng và BTTN	Duyệt hồ sơ, chuyển hồ sơ cho công chức xử lý	4			

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	TG quy định (giờ)	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
		Công chức Phòng quản lý, bảo vệ rừng và Bảo tồn thiên nhiên	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thành phần hồ sơ. - Trường hợp hồ sơ hợp lệ, thực hiện sang bước tiếp theo. - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Chi cục Kiểm lâm thông báo hoặc hướng dẫn bằng văn bản gửi Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Nông. - Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc (<i>không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính</i>) TTPVHCC thông báo cho tổ chức, cá nhân điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. 	16			
			<p>Tham mưu Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phối hợp với các sở, ngành có liên quan Tổ chức thẩm định lấy ý kiến về hồ sơ điều chỉnh phân khu chức năng của khu rừng đặc dụng, nội dung phương án điều chỉnh phân khu chức năng của khu rừng đặc dụng - Tổng hợp Báo cáo kết quả thẩm định; dự thảo Quyết định điều chỉnh phân khu chức năng của rừng đặc dụng trình Lãnh đạo phòng. - Trường hợp kết quả thẩm định không đủ điều kiện, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có văn bản trả lời gửi chủ rừng biết và nêu rõ lý do. 	260			
		Lãnh đạo phòng Phòng quản lý, bảo vệ rừng và Bảo tồn thiên nhiên	Xem xét báo cáo kết quả thẩm định, dự thảo Quyết định trình lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	4			

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	TG quy định (giờ)	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
		Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	Xem xét ký nháy trình lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	4			
B3	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Ký duyệt Báo cáo kết quả thẩm định, ký nháy Dự thảo Quyết định điều chỉnh phân khu chức năng của rừng đặc dụng trình UBND tỉnh	4			
		Văn thư	- Đóng dấu - Chuyển hồ sơ, văn bản lên UBND tỉnh	4			
B4	UBND tỉnh	Văn thư	Chuyển hồ sơ cho phòng ban chuyên môn	4			
		Lãnh đạo phòng ban chuyên môn	Duyệt hồ sơ chuyển cho công chức xử lý	4			
		Chuyên viên	Xem xét xử lý hồ sơ, dự thảo Quyết định điều chỉnh phân khu chức năng của rừng đặc dụng trình lãnh đạo văn phòng	52			
		Lãnh đạo văn phòng UBND tỉnh	Duyệt, trình lãnh đạo UBND tỉnh	4			
		Lãnh đạo UBND tỉnh	Ký Quyết định điều chỉnh phân khu chức năng của rừng đặc dụng	4			
		Văn thư	Đóng dấu, chuyển kết quả về TTPVHCC	4			
B5	TTPVHCC	CC, VC	Thông báo và trả kết quả cho tổ chức, cá nhân				

2. Quyết định giao rừng cho tổ chức; Mã số: 1.012688

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 38,5 (ngày làm việc) x 08 giờ = 308 giờ

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	TG quy định (giờ)	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
B1	TTPVHCC	CC, VC	<ol style="list-style-type: none"> Tổ chức nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công (TTPVHCC) hoặc dịch vụ công trực tuyến. Nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận, viết Phiếu biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (theo mẫu). Nếu hồ sơ còn thiếu, chưa đúng quy định thì hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo đúng quy định (theo Mẫu). Nếu hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết thì hướng dẫn người nộp hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định (theo Mẫu). Chuyển hồ sơ về Chi cục Kiểm lâm (Phòng Quản lý, bảo vệ rừng và Bảo tồn thiên nhiên) 	4			
B2	Chi cục Kiểm lâm	Lãnh đạo Phòng Quản lý, bảo vệ rừng và Bảo tồn thiên nhiên	Duyệt hồ sơ, chuyển hồ sơ cho công chức xử lý	4			
		Công chức Phòng Quản lý, bảo vệ rừng và Bảo tồn thiên nhiên	<ul style="list-style-type: none"> Kiểm tra thành phần hồ sơ. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, thực hiện sang bước tiếp theo. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Chi cục Kiểm lâm thông báo hoặc hướng dẫn bằng văn bản gửi Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Nông. Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc (<i>không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính</i>) TTPVHCC thông báo cho tổ chức, cá nhân điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. 	16			

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	TG quy định (giờ)	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
			<p>Tham mưu Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra hồ sơ giao rừng và nội dung giao rừng theo quy định tại Điều 14, 15 và 16 Luật Lâm nghiệp (được sửa đổi bổ sung tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 248 Luật Đất đai năm 2024). - Chủ trì phối hợp với UBND cấp huyện, UBND cấp xã tổ chức kiểm tra hiện trạng khu rừng tại thực địa dự kiến giao. <p>Trường hợp không đủ điều kiện giao rừng, tham mưu Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có văn bản trả lời cho tổ chức và nêu rõ lý do.</p> <p>Trường hợp đủ điều kiện giao rừng, tham mưu Sở Nông nghiệp, lập Tờ trình, trình UBND tỉnh xem xét quyết định giao rừng cho tổ chức.</p>	176			
		Lãnh đạo Phòng Quản lý bảo vệ rừng và Bảo tồn thiên nhiên	Xem xét ký nháy trình lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	4			
		Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	Xem xét ký nháy trình lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	4			
B3	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Ký duyệt Tờ trình, trình UBND tỉnh xem xét quyết định giao rừng cho tổ chức	4			
		Văn thư	-Đóng dấu -Chuyển hồ sơ, văn bản lên UBND tỉnh	4			

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	TG quy định (giờ)	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
B4	UBND tỉnh	Văn thư	Chuyển văn bản cho phòng ban chuyên môn	4			
		Lãnh đạo phòng ban chuyên môn	Duyệt, chuyển hồ sơ cho chuyên viên xử lý	4			
		Chuyên viên	Xử lý hồ sơ	20			
		Lãnh đạo văn phòng UBND tỉnh	Duyệt trình lãnh đạo UBND tỉnh	4			
		Lãnh đạo UBND tỉnh	Xem xét, ký Quyết định giao rừng cho tổ chức	4			
		Văn thư	Đóng dấu, chuyển Quyết định về Chi cục Kiểm lâm	4			
B5	Chi cục Kiểm lâm	Văn thư	Chuyển văn bản cho lãnh đạo Chi cục xử lý	2			
		Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	Duyệt hồ sơ chuyển công chức xử lý	2			
		Công chức Phòng quản lý, bảo vệ rừng và Bảo tồn thiên nhiên	- Tham mưu Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, thông báo cho tổ chức thực hiện nghĩa vụ tài chính (nếu có); phối hợp với UBND cấp huyện, UBND cấp xã tổ chức bàn giao thực địa cho tổ chức. - Chuyển kết quả giải quyết về TTPVHCC.	48			
B6	TTPVHCC	CC, VC	Thông báo và trả kết quả cho tổ chức, cá nhân				

3. Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với tổ chức; Mã số: 1.012689

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 18,5 (ngày làm việc) x 08 giờ = 148 giờ

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	TG quy định	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
B1	TTPVHCC	CC, VC	<p>1. Tổ chức có dự án đề nghị quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác hoặc tổ chức có dự án đã được Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư dự án có thay đổi về quy mô diện tích rừng cần chuyển mục đích sử dụng sang mục đích khác nhưng không thuộc trường hợp phải điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án theo quy định của Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Dầu khí nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu điện tới Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc dịch vụ công trực tuyến.</p> <p>2. Nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận, viết Phiếu biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (theo mẫu).</p> <p>3. Nếu hồ sơ còn thiếu, chưa đúng quy định thì hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo đúng quy định (theo Mẫu).</p> <p>4. Nếu hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết thì hướng dẫn người nộp hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định (theo Mẫu).</p> <p>5. Chuyển hồ sơ về Chi cục Kiểm lâm (Phòng Sử dụng và PTR).</p>	4			
B2	Chi cục Kiểm lâm	Lãnh đạo phòng Phòng Sử dụng và PTR	Duyệt hồ sơ, chuyển hồ sơ cho công chức xử lý	4			
		Công chức phòng Sử dụng	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thành phần hồ sơ. - Trường hợp hồ sơ hợp lệ, thực hiện sang bước tiếp theo. 	16			

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	TG quy định	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
		và PTR	- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Chi cục Kiểm lâm trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do gửi Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Nông; - Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc (không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính) TTPVHCC thông báo cho tổ chức.				
			Tham mưu Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Lập Tờ trình đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.	44			
		Lãnh đạo phòng Phòng Sử dụng và PTR	Xem xét ký nháy trình lãnh đạo Chi cục	4			
		Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	Xem xét ký nháy trình lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	4			
B3	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Duyệt trình UBND tỉnh xem xét, quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.	4			
		Văn thư	Đóng dấu; Chuyển hồ sơ, văn bản cho UBND tỉnh	4			
B4	UBND tỉnh	Văn thư	Chuyển hồ sơ cho phòng ban chuyên môn	4			
		Lãnh đạo phòng ban chuyên môn	Duyệt hồ sơ, chuyển chuyên viên xử lý	4			
		Chuyên viên	Xử lý hồ sơ trình lãnh đạo	44			

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	TG quy định	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
		Lãnh đạo văn phòng UBND tỉnh	Duyệt trình lãnh đạo UBND tỉnh	4			
		Lãnh đạo UBND tỉnh	Ban hành Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.	4			
		Văn thư	Đóng dấu; Chuyển TTPVHCC	4			
B5	TTPVHCC	CC, VC	Trả kết quả cho tổ chức				

4. Phê duyệt Phương án sử dụng rừng đối với các công trình kết cấu hạ tầng phục vụ bảo vệ và phát triển rừng thuộc địa phương quản lý; Mã số: 1.012690

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 14,5 (ngày làm việc) x 08 giờ = 116 giờ

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	TG quy định	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
B1	TTPVHCC	CC, VC	<ol style="list-style-type: none"> 1. Chủ đầu tư dự án nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu điện tới Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc dịch vụ công trực tuyến. 2. Nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận, viết Phiếu biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (theo mẫu). 3. Nếu hồ sơ còn thiếu, chưa đúng quy định thì hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo đúng quy định (theo Mẫu). 4. Nếu hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết thì hướng dẫn người nộp hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định (theo Mẫu). 5. Chuyển hồ sơ về Chi cục Kiểm lâm (Phòng Sử dụng 	4			

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	TG quy định	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
			và Phát triển rừng).				
B2	Chi cục Kiểm lâm	Lãnh đạo Phòng Sử dụng và Phát triển rừng	Duyệt hồ sơ, chuyển hồ sơ cho công chức xử lý	4			
		Công chức Phòng Sử dụng và Phát triển rừng	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thành phần hồ sơ - Trường hợp hồ sơ hợp lệ, thực hiện sang bước tiếp theo. - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Chi cục Kiểm lâm thông báo hoặc hướng dẫn bằng văn bản gửi Trung tâm Hành chính công tỉnh Đắk Nông. - Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc (không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính) TTPVHCC thông báo cho tổ chức, cá nhân điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. 	16			
			Tham mưu Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Kiểm tra, xác minh và tổng hợp trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt	46			
		Lãnh đạo Phòng Sử dụng và Phát triển rừng	Xem xét ký nháy trình lãnh đạo Chi cục	4			
		Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	Xem xét, ký nháy trình Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	4			
B3	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông	Lãnh đạo Sở	Xem xét, ký ban hành Tờ trình trình UBND tỉnh	4			

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	TG quy định	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
	thôn	Văn thư	Đóng dấu; gửi tờ trình và hồ sơ cho UBND tỉnh	2			
B4	UBND tỉnh	Văn thư	Chuyển hồ sơ cho phòng ban chuyên môn	4			
		Lãnh đạo Phòng ban chuyên môn	Duyệt hồ sơ chuyển cho chuyên viên xử lý	4			
		Chuyên viên	Xử lý hồ sơ, trình Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh xem xét	14			
		Lãnh đạo VP UBND tỉnh	Xem xét, duyệt trình lãnh đạo UBND tỉnh	4			
		Lãnh đạo UBND tỉnh	UBND tỉnh xem xét, quyết định phê duyệt Phương án tạm sử dụng rừng.	4			
		Văn thư	Đóng dấu; Chuyển kết quả về TTPVHCC	2			
B5	TTPVHC	CC, VC	Thông báo và trả kết quả cho tổ chức, cá nhân				

5. Quyết định thu hồi rừng đối với tổ chức tự nguyện trả lại rừng; Mã số: 1.012691

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 16 (ngày làm việc) x 08 giờ = 128 giờ

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	TG quy định (giờ)	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
B1	TTPVHCC	CC, VC	1. Chủ rừng là tổ chức tự nguyện trả lại rừng nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công (TTPVHCC) hoặc dịch vụ công trực tuyến.	4			

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	TG quy định (giờ)	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
			<p>2. Nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận và viết Phiếu biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (theo mẫu).</p> <p>3. Nếu hồ sơ còn thiếu, chưa đúng quy định thì hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo đúng quy định (theo mẫu).</p> <p>4. Nếu hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết thì hướng dẫn người nộp hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định (theo mẫu).</p> <p>5. Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Trung tâm Phục vụ hành chính công chuyển hồ sơ về Chi cục Kiểm lâm (Phòng Quản lý, bảo vệ rừng và Bảo tồn thiên nhiên).</p>				
B2	Chi cục Kiểm lâm	Lãnh đạo Phòng Quản lý bảo, vệ rừng và BTTN	Duyệt hồ sơ, chuyển hồ sơ cho công chức xử lý	4			
		Công chức Phòng quản lý, bảo vệ rừng và Bảo tồn thiên nhiên	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thành phần hồ sơ. - Trường hợp hồ sơ hợp lệ, thực hiện sang bước tiếp theo. - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Chi cục Kiểm lâm thông báo hoặc hướng dẫn bằng văn bản gửi Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Nông. - Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc (<i>không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính</i>) TTPVHCC thông báo cho tổ chức điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. 	12			

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	TG quy định (giờ)	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
			Tham mưu Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn dự thảo Quyết định thu hồi rừng đối với diện tích rừng do tổ chức tự nguyện trả lại rừng	60			
		Lãnh đạo Phòng quản lý, bảo vệ rừng và Bảo tồn thiên nhiên	Xem xét ký nháy trình lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	4			
		Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	Xem xét ký nháy trình lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	4			
B3	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Ký duyệt Tờ trình, trình UBND tỉnh xem xét quyết định giao rừng cho tổ chức	4			
		Văn thư	- Đóng dấu - Chuyển hồ sơ, tờ trình đến UBND tỉnh	4			
B4	UBND tỉnh	Văn thư	Chuyển văn bản cho Lãnh đạo phòng, ban chuyên môn	2			
		Lãnh đạo phòng ban chuyên môn	Duyệt, chuyển hồ sơ cho chuyên viên xử lý	4			
		Chuyên viên	Xử lý hồ sơ trình lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh	16			

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	TG quy định (giờ)	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
		Lãnh đạo văn phòng UBND tỉnh	Trình lãnh đạo UBND tỉnh Quyết định thu hồi rừng	4			
		Lãnh đạo UBND tỉnh	Ký Quyết định thu hồi rừng đối với tổ chức	4			
		Văn thư	Đóng dấu Chuyển kết quả về TTPVHCC	2			
B5	TTPVHCC	CC,VC	Trả kết quả cho tổ chức				

6. Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác; Mã số: 3.000152

6.1. Trường hợp Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 30,5 (ngày làm việc) x 08 giờ = 244 giờ

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	TG quy định	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
B1	TTPVHCC	CC, VC	1. Tổ chức, cá nhân có dự án đề nghị quyết định điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc dịch vụ công trực tuyến. 2. Nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận, viết Phiếu biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (theo mẫu). 3. Nếu hồ sơ còn thiếu, chưa đúng quy định thì hướng dẫn	4			

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	TG quy định	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
			người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo đúng quy định (theo Mẫu). 4. Nếu hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết thì hướng dẫn người nộp hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định (theo Mẫu). 5. Chuyển hồ sơ về Chi cục Kiểm lâm (Phòng Sử dụng và PTR).				
B2	Chi cục Kiểm lâm	Lãnh đạo phòng Sử dụng và PTR	Duyệt hồ sơ, chuyển hồ sơ cho công chức xử lý	4			
		Công chức phòng Sử dụng và PTR	Kiểm tra thành phần hồ sơ - Trường hợp hồ sơ hợp lệ, thực hiện sang bước tiếp theo. - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Chi cục Kiểm lâm tham mưu Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do gửi Trung tâm Hành chính công tỉnh Đắk Nông. - Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc (không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính) TTPVHCC thông báo cho tổ chức, cá nhân.	16			
		Công chức phòng Sử dụng và PTR	Tham mưu Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: - Kiểm tra, xác minh về báo cáo thuyết minh hiện trạng rừng và bản đồ hiện trạng rừng khu vực đề nghị quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác và tổ chức thẩm định. - Báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kết quả thẩm định để trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.	140			
		Lãnh đạo phòng Sử dụng và PTR	Xem xét ký nháy trình lãnh đạo Chi cục	4			
		Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	Xem xét ký nháy trình lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	4			

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	TG quy định	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
B3	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Duyệt trình UBND tỉnh kết quả thẩm định đề trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.	4			
		Văn thư	Đóng dấu; Chuyển hồ sơ, văn bản cho UBND tỉnh	4			
B4	UBND tỉnh	Văn thư	Chuyển hồ sơ cho phòng ban chuyên môn	4			
		Lãnh đạo phòng ban chuyên môn	Duyệt hồ sơ, chuyển chuyên viên xử lý	4			
		Chuyên viên	Xử lý hồ sơ trình lãnh đạo	44			
		Lãnh đạo văn phòng UBND tỉnh	Duyệt trình lãnh đạo UBND tỉnh	4			
		Lãnh đạo UBND tỉnh	Duyệt trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.	4			
		Văn thư	Đóng dấu; Chuyển hồ sơ đến Hội đồng nhân dân cấp tỉnh	4			
B5	Hội đồng nhân dân cấp tỉnh	Lãnh đạo HĐND tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> - Ban hành quyết định điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác. - Chuyển kết quả đến TTPVHCC tỉnh Đắk Nông 	Theo kỳ họp			
B6	TTPVHCC	CC, VC	Thông báo, trả kết quả cho tổ chức, cá nhân				

6.2. Trường hợp diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng sang mục đích khác thuộc phạm vi quản lý của chủ rừng là các đơn vị trực thuộc các bộ, ngành

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 44 (ngày làm việc) x 08 giờ = 352 giờ

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	TG quy định	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
B1	TTPVHCC	CC, VC	<ol style="list-style-type: none"> 1. Tổ chức, cá nhân có dự án đề nghị quyết định điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc dịch vụ công trực tuyến. 2. Nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận, viết Phiếu biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (theo mẫu). 3. Nếu hồ sơ còn thiếu, chưa đúng quy định thì hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo đúng quy định (theo Mẫu). 4. Nếu hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết thì hướng dẫn người nộp hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định (theo Mẫu). 5. Chuyển hồ sơ về Chi cục Kiểm lâm (Phòng Sử dụng và PTR). 	4			
B2	Chi cục Kiểm lâm	Lãnh đạo phòng Sử dụng và PTR	Duyệt hồ sơ, chuyển hồ sơ cho công chức xử lý	4			
		Công chức Phòng Sử dụng và PTR	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thành phần hồ sơ - Trường hợp hồ sơ hợp lệ, thực hiện sang bước tiếp theo. - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Chi cục Kiểm lâm tham mưu Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do gửi Trung tâm Hành chính công tỉnh Đắk Nông. - Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc (không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính) TTPVHCC thông báo cho tổ chức, cá nhân. 	16			

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	TG quy định	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
			Tham mưu Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: - Kiểm tra, xác minh về báo cáo thuyết minh hiện trạng rừng và bản đồ hiện trạng rừng khu vực đề nghị quyết định điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác và tổ chức thẩm định. - Báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kết quả thẩm định đề trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác. - Trường hợp kết quả thẩm định không đủ điều kiện, trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức thẩm định, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do gửi tổ chức, cá nhân thông qua Trung tâm Phục vụ hành chính công.	140			
		Lãnh đạo phòng	Xem xét ký nháy trình lãnh đạo Chi cục	4			
		Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	Xem xét ký nháy trình lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	4			
B3	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Ký duyệt, trình UBND tỉnh kết quả thẩm định đề trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.	4			
		Văn thư	Đóng dấu; Chuyển hồ sơ, văn bản cho UBND tỉnh	4			
B4	UBND tỉnh	Văn thư	Chuyển hồ sơ cho phòng ban chuyên môn	4			
		Lãnh đạo Phòng ban chuyên môn	Duyệt hồ sơ, chuyển hồ sơ chuyên viên xử lý	4			

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	TG quy định	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
		Chuyên viên	- Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản lấy ý kiến thống nhất của bộ, ngành. - Thời gian bộ, ngành cho ý kiến kể từ ngày nhận được hồ sơ lấy ý kiến của UBND cấp tỉnh (120 giờ). - Nhận được ý kiến thống nhất của bộ, ngành, tham mưu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.	152			
		Lãnh đạo văn phòng UBND tỉnh	Duyệt trình lãnh đạo UBND tỉnh	4			
		Lãnh đạo UBND tỉnh	Duyệt trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.	4			
		Văn thư	Đóng dấu; Chuyển hồ sơ đến Hội đồng nhân dân cấp tỉnh	4			
B5	Hội đồng nhân dân cấp tỉnh		Ban hành quyết định điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác. Chuyển TTPVHCC	Theo kỳ họp			
B6	TTPVHCC	CC, VC	Thông báo, trả kết quả cho tổ chức, cá nhân				

7. Quyết định điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác; Mã số: 1.012692

7.1. Trường hợp Quyết định điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 30,5 (ngày làm việc) x 08 giờ = 244 giờ

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	TG quy định	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
B1	TTPVHCC	CC, VC	<ol style="list-style-type: none"> 1. Tổ chức, cá nhân có dự án đề nghị quyết định điều chỉnh chủ trương chuyên mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc dịch vụ công trực tuyến. 2. Nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận, viết Phiếu biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (theo mẫu). 3. Nếu hồ sơ còn thiếu, chưa đúng quy định thì hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo đúng quy định (theo Mẫu). 4. Nếu hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết thì hướng dẫn người nộp hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định (theo Mẫu). 5. Chuyển hồ sơ về Chi cục Kiểm lâm (Phòng Sử dụng và PTR). 	4			
B2	Chi cục Kiểm lâm	Lãnh đạo phòng Sử dụng và PTR	Duyệt hồ sơ, chuyển hồ sơ cho công chức xử lý	4			
		Công chức phòng Sử dụng và PTR	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thành phần hồ sơ - Trường hợp hồ sơ hợp lệ, thực hiện sang bước tiếp theo. - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Chi cục Kiểm lâm trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do gửi Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Nông. - Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc (không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính) TTPVHCC thông báo cho tổ chức, cá nhân. 	16			

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	TG quy định	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
			Tham mưu Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: - Kiểm tra, xác minh về báo cáo thuyết minh hiện trạng rừng và bản đồ hiện trạng rừng khu vực đề nghị quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác và tổ chức thẩm định. - Báo cáo kết quả thẩm định.	140			
		Lãnh đạo phòng Sử dụng và phát triển rừng	Xem xét ký nháy trình lãnh đạo Chi cục	4			
		Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	Xem xét ký nháy trình lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	4			
B3	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Duyệt trình UBND tỉnh kết quả thẩm định để trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.	4			
		Văn thư	- Đóng dấu - Chuyển hồ sơ, văn bản cho UBND tỉnh	4			
B4	UBND tỉnh	Văn thư	Chuyển hồ sơ cho phòng ban chuyên môn	4			
		Lãnh đạo phòng ban chuyên môn	Duyệt hồ sơ, chuyển chuyên viên xử lý	4			
		Chuyên viên	Xử lý hồ sơ trình lãnh đạo	44			

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	TG quy định	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
		Lãnh đạo văn phòng UBND tỉnh	Duyệt trình lãnh đạo UBND tỉnh	4			
		Lãnh đạo UBND tỉnh	Duyệt trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.	4			
		Văn thư	- Đóng dấu - Chuyển Hội đồng nhân dân cấp tỉnh	4			
B5	Hội đồng nhân dân cấp tỉnh	Lãnh đạo HĐND tỉnh	- Ban hành quyết định điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác. - Chuyển TTPVHCC	Theo kỳ họp			
B6	TTPVHCC	CC, VC	- Thông báo cho tổ chức, cá nhân - Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân				

7.2. Trường hợp diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng sang mục đích khác thuộc phạm vi quản lý của chủ rừng là các đơn vị trực thuộc các bộ, ngành

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 44 (ngày làm việc) x 08 giờ = 352 giờ

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	TG quy định	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
B1	TTPVHCC	CC, VC	1. Tổ chức, cá nhân có dự án đề nghị quyết định điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang	4			

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	TG quy định	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
			<p>mục đích khác nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc dịch vụ công trực tuyến.</p> <p>2. Nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận, viết Phiếu biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (theo mẫu).</p> <p>3. Nếu hồ sơ còn thiếu, chưa đúng quy định thì hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo đúng quy định (theo Mẫu).</p> <p>4. Nếu hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết thì hướng dẫn người nộp hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định (theo Mẫu).</p> <p>5. Chuyển hồ sơ về Chi cục Kiểm lâm (Phòng Sử dụng và PTR).</p>				
B2	Chi cục Kiểm lâm	Lãnh đạo phòng Sử dụng và PTR	Duyệt hồ sơ, chuyển hồ sơ cho công chức xử lý	4			
		Công chức	<p>Kiểm tra thành phần hồ sơ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ hợp lệ, thực hiện sang bước tiếp theo. - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Chi cục Kiểm lâm trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do gửi Trung tâm Hành chính công tỉnh Đắk Nông. - Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc (không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính) TTPVHCC thông báo cho tổ chức, cá nhân. 	16			
			<p>Tham mưu Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra, xác minh về báo cáo thuyết minh hiện trạng rừng và bản đồ hiện trạng rừng khu vực đề nghị quyết định điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng 	140			

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	TG quy định	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
			<p>rừng sang mục đích khác và tổ chức thẩm định.</p> <p>- Báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kết quả thẩm định đề trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.</p> <p>- Trường hợp kết quả thẩm định không đủ điều kiện, trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức thẩm định, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do gửi tổ chức, cá nhân thông qua Trung tâm Phục vụ hành chính công.</p>				
		Lãnh đạo Phòng Sử dụng và PTR	Xem xét ký nháy trình lãnh đạo Chi cục	4			
		Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	Xem xét ký nháy trình lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	4			
B3	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Duyệt trình UBND tỉnh kết quả thẩm định đề trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.	4			
		Văn thư	<ul style="list-style-type: none"> - Đóng dấu - Chuyển hồ sơ, văn bản cho UBND tỉnh 	4			
B4	UBND tỉnh	Văn thư	Chuyển hồ sơ cho phòng ban chuyên môn	4			
		Lãnh đạo Phòng ban chuyên môn	Duyệt hồ sơ, chuyển chuyên viên xử lý	4			
		Chuyên viên	<ul style="list-style-type: none"> - Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản lấy ý kiến thống nhất của bộ, ngành. - Thời gian bộ, ngành cho ý kiến kể từ ngày nhận được hồ 	152			

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	TG quy định	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
			sơ lấy ý kiến của UBND cấp tỉnh (120 giờ). - Nhận được ý kiến thống nhất của bộ, ngành, tham mưu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.				
		Lãnh đạo văn phòng UBND tỉnh	Duyệt trình lãnh đạo UBND tỉnh	4			
		Lãnh đạo UBND tỉnh	Duyệt trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.	4			
		Văn thư	Đóng dấu Chuyển Hội đồng nhân dân cấp tỉnh	4			
B5	Hội đồng nhân dân cấp tỉnh		Ban hành quyết định điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác. Chuyển kết quả về TTPVHCC tỉnh Đắk Nông	Theo kỳ họp			
B6	TTPVHCC	CC, VC	Thông báo, Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân				

8. Phê duyệt hoặc điều chỉnh đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý; Mã số: 1.000084

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 38,5 (ngày làm việc) x 08 giờ = 308 giờ

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	TG quy định (giờ)	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
----------------	------------------	-----------------	-------------------	-------------------	----------------	---------------	--------------



Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	TG quy định (giờ)	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
B1	TTPVHCC	CC, VC	<ol style="list-style-type: none">Chủ rừng nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công (TTPVHCC) hoặc dịch vụ công trực tuyến.Nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận, viết Phiếu biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (theo mẫu).Nếu hồ sơ còn thiếu, chưa đúng quy định thì hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo đúng quy định (theo Mẫu).Nếu hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết thì hướng dẫn người nộp hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định (theo Mẫu).Chuyển hồ sơ về Chi cục Kiểm lâm (Phòng Sử dụng và Phát triển rừng).	4			
B2	Chi cục Kiểm lâm	Lãnh đạo Phòng Sử dụng và PTR	Duyệt hồ sơ, chuyển hồ sơ cho công chức xử lý	4			
		Công chức Phòng Sử dụng và PTR	<ul style="list-style-type: none">Kiểm tra thành phần, nội dung chủ yếu trong hồ sơ.Trường hợp hồ sơ hợp lệ, thực hiện sang bước tiếp theo.Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Chi cục Kiểm lâm thông báo hoặc hướng dẫn bằng văn bản gửi Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Nông.Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc (<i>không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính</i>) TTPVHCC thông báo cho tổ chức, cá nhân điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định.	16			
			<ul style="list-style-type: none">Tổ chức lấy ý kiến thẩm định;Tổng hợp ý kiến của các đơn vị liên quan, xây dựng dự thảo Báo cáo kết quả thẩm định đề án du lịch, sinh thái,	204			

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	TG quy định (giờ)	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
			nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng.				
		Lãnh đạo phòng Sử dụng và PTR	Xem xét dự thảo Báo cáo kết quả thẩm định, trình lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	4			
		Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	Xem xét ký nháy dự thảo Báo cáo kết quả thẩm định, trình lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	4			
B3	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Xem xét ký duyệt Báo cáo kết quả thẩm định	4			
		Văn thư	Đóng dấu; Chuyển hồ sơ đến UBND tỉnh.	4			
B4	UBND tỉnh	Văn thư	Chuyển hồ sơ cho phòng ban chuyên môn	4			
		Lãnh đạo phòng ban chuyên môn	Duyệt hồ sơ chuyển cho chuyên viên xử lý	4			
		Chuyên viên	Xử lý hồ sơ	44			
		Lãnh đạo văn phòng UBND tỉnh	Xem xét, ký nháy dự thảo Quyết định phê duyệt trình Chủ tịch UBND tỉnh.	4			
		Chủ tịch UBND tỉnh	Xem xét, ký duyệt Quyết định phê duyệt hoặc điều chỉnh đề án du lịch, sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng	4			
		Văn thư	Đóng dấu; Chuyển kết quả về TTPVHCC	4			
B5	TTPVHCC	CC, VC	Thông báo và trả kết quả cho chủ rừng				

9. Phê duyệt hoặc điều chỉnh đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng phòng hộ hoặc rừng sản xuất thuộc địa phương quản lý; Mã số: 1.000081

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 38,5 (ngày làm việc) x 08 giờ = 308 giờ

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	TG quy định (giờ)	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
B1	TTPVHCC	CC, VC	<ol style="list-style-type: none"> Chủ rừng nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công (TTPVHCC) hoặc dịch vụ công trực tuyến. Nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận, viết Phiếu biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (theo mẫu). Nếu hồ sơ còn thiếu, chưa đúng quy định thì hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo đúng quy định (theo Mẫu). Nếu hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết thì hướng dẫn người nộp hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định (theo Mẫu). Chuyển hồ sơ về Chi cục Kiểm lâm (Phòng Sử dụng và Phát triển rừng). 	4			
B2	Chi cục Kiểm lâm	Lãnh đạo Phòng Sử dụng và PTR	Duyệt hồ sơ, chuyển hồ sơ cho công chức xử lý	4			
		Công chức Phòng Sử dụng và PTR	<ul style="list-style-type: none"> Kiểm tra thành phần, nội dung chủ yếu trong hồ sơ. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, thực hiện sang bước tiếp theo. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Chi cục Kiểm lâm thông báo hoặc hướng dẫn bằng văn bản gửi Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Nông. Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc (không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính) TTPVHCC thông báo cho tổ chức, cá nhân điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. 	16			
			- Tổ chức lấy ý kiến thẩm định;	204			

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	TG quy định (giờ)	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
			- Tổng hợp ý kiến của các đơn vị liên quan, xây dựng dự thảo Báo cáo kết quả thẩm định đề án du lịch, sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng phòng hộ/sản xuất.				
		Lãnh đạo phòng Sử dụng và PTR	Xem xét dự thảo Báo cáo kết quả thẩm định, trình lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	4			
		Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	Xem xét ký nháy dự thảo Báo cáo kết quả thẩm định, trình lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	4			
B3	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Xem xét ký duyệt Báo cáo kết quả thẩm định	4			
		Văn thư	Đóng dấu; Chuyển hồ sơ đến UBND tỉnh.	4			
B4	UBND tỉnh	Văn thư	Chuyển hồ sơ cho phòng ban chuyên môn	4			
		Lãnh đạo phòng ban chuyên môn	Duyệt hồ sơ chuyển cho chuyên viên xử lý	4			
		Chuyên viên	- Kiểm tra thành phần, nội dung hồ sơ. - Rà soát, hoàn thiện dự thảo Quyết định phê duyệt trình lãnh đạo văn phòng UBND tỉnh.	44			
		Lãnh đạo văn phòng UBND tỉnh	Xem xét, ký nháy dự thảo Quyết định phê duyệt trình Chủ tịch UBND tỉnh.	4			
		Chủ tịch UBND tỉnh	Xem xét, ký duyệt Quyết định phê duyệt hoặc điều chỉnh đề án du lịch, sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng phòng hộ hoặc rừng sản xuất thuộc địa phương quản lý	4			

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	TG quy định (giờ)	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
		Văn thư	Đóng dấu; Chuyển kết quả về TTPVHCC	4			
B5	TTPVHCC	CC, VC	Thông báo và trả kết quả cho chủ rừng				

II. Thủ tục hành chính cấp huyện: 02 TTHC

1. Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với cá nhân; Mã số: 1.012694

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 18,5 (ngày làm việc) x 08 giờ = 148 giờ

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	TG quy định (giờ)	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
B1	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	CC, VC	<ol style="list-style-type: none"> Cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu điện tới Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện hoặc qua dịch vụ công trực tuyến (http://dichvucong.daknong.gov.vn). Nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận và viết Phiếu biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (theo mẫu). Nếu hồ sơ còn thiếu, chưa đúng quy định thì hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo đúng quy định (theo mẫu). Nếu hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết thì hướng dẫn người nộp hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định (theo mẫu). Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện chuyển hồ sơ về Cơ quan chuyên môn về lâm nghiệp cấp huyện. 	4			
B2	Cơ quan chuyên môn về	Lãnh đạo cơ quan chuyên môn về	Duyệt hồ sơ, chuyển hồ sơ cho công chức xử lý	4			

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	TG quy định (giờ)	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
	lâm nghiệp cấp huyện	lâm nghiệp cấp huyện					
		Chuyên viên	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thành phần hồ sơ. - Trường hợp hồ sơ hợp lệ, thực hiện sang bước tiếp theo. - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, cơ quan chuyên môn về lâm nghiệp thông báo hoặc hướng dẫn bằng văn bản gửi Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện. - Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc (<i>không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính</i>) Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện thông báo cho cá nhân điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. 	16			
			<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức thẩm định; - Lập tờ trình trình UBND cấp huyện dự thảo Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác. 	56			
		Lãnh đạo cơ quan chuyên môn về lâm nghiệp cấp huyện	Xem xét, ký duyệt Tờ trình kèm Dự thảo Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trình Lãnh đạo UBND cấp huyện	4			
B3	UBND cấp huyện	Chuyên viên	Xem xét, xử lý hồ sơ do Cơ quan chuyên môn về lâm nghiệp trình	52			
		Lãnh đạo văn phòng	Xem xét, ký nháy trình lãnh đạo UBND huyện	4			
		Lãnh đạo UBND cấp huyện	Ký Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với cá nhân	4			
		Văn thư	Đóng dấu; Chuyển kết quả về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	4			

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	TG quy định (giờ)	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
B4	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	CC, VC	Thông báo và trả kết quả cho cá nhân				

2. Quyết định thu hồi rừng đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư tự nguyện trả lại rừng; Mã số: 1.012695
 Tổng thời gian thực hiện TTHC: 16 (ngày làm việc) x 08 giờ = 128 giờ

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	TG quy định (giờ)	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
B1	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	CC, VC	<ol style="list-style-type: none"> 1. Chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư tự nguyện trả lại rừng nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu điện tới Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện hoặc qua dịch vụ công trực tuyến (http://dichvucong.daknong.gov.vn). 2. Nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận và viết Phiếu biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (theo mẫu). 3. Nếu hồ sơ còn thiếu, chưa đúng quy định thì hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo đúng quy định (theo mẫu). 4. Nếu hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết thì hướng dẫn người nộp hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định (theo mẫu). 5. Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện chuyển hồ sơ về Cơ quan chuyên môn về lâm nghiệp cấp huyện. 	4			
B2	Cơ quan chuyên môn về	Lãnh đạo Cơ quan chuyên môn	Chuyển hồ sơ cho chuyên viên	2			

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	TG quy định (giờ)	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
	lâm nghiệp cấp huyện	về lâm nghiệp cấp huyện					
		Chuyên viên	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thành phần hồ sơ. - Trường hợp hồ sơ hợp lệ, thực hiện sang bước tiếp theo. - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, cơ quan chuyên môn về lâm nghiệp thông báo hoặc hướng dẫn bằng văn bản gửi Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện. - Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc (<i>không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính</i>) Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện thông báo cho cá nhân điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. 	6			
			Tham mưu lãnh đạo Tờ trình, dự thảo Quyết định thu hồi rừng đối với diện tích rừng do hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư tự nguyện trả lại rừng	80			
		Lãnh đạo Cơ quan chuyên môn về lâm nghiệp cấp huyện	Duyệt, ký Tờ trình đề nghị ban hành Quyết định thu hồi rừng do hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư tự nguyện trả lại rừng trình lãnh đạo UBND cấp huyện	4			
B3	UBND cấp huyện	Chuyên viên	Xem xét, thẩm định hồ sơ do Cơ quan chuyên môn về lâm nghiệp trình	20			
		Lãnh đạo Văn phòng	Xem xét, ký nháy, trình Lãnh đạo UBND cấp huyện	4			
		Lãnh đạo UBND cấp huyện	Ký Quyết định thu hồi rừng đối với diện tích rừng do hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư tự nguyện trả lại rừng	4			

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	TG quy định (giờ)	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
		Văn thư	Đóng dấu; Chuyển kết quả về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	4			
B4	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	CC,VC	Trả kết quả cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư				

III. Thủ tục hành chính cấp xã: 01 TTHC

Quyết định giao rừng cho hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư; Mã số: 1.012693

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 42,5 (ngày làm việc) x 08 giờ = 340 giờ

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	TG quy định (giờ)	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
B1	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp xã	CC, VC	<ol style="list-style-type: none"> Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu điện tới Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp xã hoặc qua dịch vụ công trực tuyến (http://dichvucong.daknong.gov.vn). Nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận và viết Phiếu biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (theo mẫu). Nếu hồ sơ còn thiếu, chưa đúng quy định thì hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo đúng quy định (theo mẫu). Nếu hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết thì hướng dẫn người nộp hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định (theo mẫu). Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp xã chuyển hồ sơ về UBND cấp xã 	4			



Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	TG quy định (giờ)	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
B2	UBND xã	Công chức, viên chức được phân công xử lý	<ul style="list-style-type: none">- Kiểm tra thành phần hồ sơ.- Trường hợp hồ sơ hợp lệ, thực hiện sang bước tiếp theo.- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, UBND cấp xã thông báo hoặc hướng dẫn bằng văn bản gửi Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp xã để trả cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư.- Chuyển hồ sơ đến Cơ quan chuyên môn về lâm nghiệp cấp huyện.	52			
B3	Cơ quan chuyên môn về lâm nghiệp cấp huyện	Văn thư	Trình hồ sơ cho Lãnh đạo xử lý	4			
		Lãnh đạo Cơ quan chuyên môn về lâm nghiệp cấp huyện	Duyệt hồ sơ chuyển chuyên viên xử lý	4			
		Chuyên viên	Phối hợp với Phòng Tài nguyên và Môi trường kiểm tra nội dung giao rừng theo quy định tại các Điều 14, 15 và 16 Luật Lâm nghiệp (được sửa đổi bổ sung tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 248 Luật Đất đai năm 2024); phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức kiểm tra hiện trạng khu rừng tại thực địa (vị trí, ranh giới, tranh chấp); lập Tờ trình kèm theo hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định giao rừng cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư	184			
		Lãnh đạo Cơ quan chuyên môn về lâm nghiệp cấp huyện	Xem xét, ký Tờ trình đề nghị UBND cấp huyện quyết định giao rừng cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư	4			

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	TG quy định (giờ)	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
B4	UBND cấp huyện	Chuyên viên	Xem xét, thẩm định hồ sơ; dự thảo Quyết định giao rừng cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư	22			
		Lãnh đạo Văn phòng	Xem xét, ký nháy dự thảo Quyết định, trình lãnh đạo UBND huyện ký Quyết định	4			
		Lãnh đạo UBND huyện	Xem xét, ký Quyết định giao rừng cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư	4			
		Văn thư	Đóng dấu, chuyển Quyết định về Cơ quan chuyên môn về lâm nghiệp cấp huyện	2			
B5	Cơ quan chuyên môn về lâm nghiệp cấp huyện	Lãnh đạo	Duyệt hồ sơ chuyển chuyên viên xử lý	2			
		Chuyên viên	- Phối hợp với UBND cấp xã tổ chức bàn giao rừng thực địa cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư. - Chuyển kết quả giải quyết về Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp xã.	54			
B6	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp xã	CCVC	Trả kết quả giải quyết cho tổ chức cá nhân				